

TRỊ TÂN

1 năm 35\$00 — 6 tháng 18\$00 — 3 tháng 9\$00

TÒA BÁO 95-97 CHANCEAULME-HANOI

MỤC LỤC

- * Ảnh-hưởng gián tiếp của mấy nhà y-học đối với nhi-đồng *Hoa-Bằng*
- * Những việc lừng lẫy trong sử nước ta *Nguyễn-văn-Tổ*
- * Tày hứng *Thị-Nham*
- * Truyện cụ Chu An (II) *Trần-hàm-Tân*
- * Tài liệu đề đình chính những bài văn cổ (LXXIII) *Ứng-Hòa*
- * Số mệnh một con chim con *Bách-thảo-Sương*
- * Hai tháng ở gò Óc-Eo (II) *Biệt-lam Trần-huy-Bá*
- * Đọc sách *Tiên-Đàm*
- * Những ông Nghè triều Lê (C) *Ứng-Hòa*
- * Đại Nam dật sự (L) *Nguyễn-văn-Tổ*
- * An tư (tiểu thuyết XIX) *Nguyễn-huy-Tướng*

0 \$ 70



Nhi-dồng Việt-nam ở thế-hệ nay

ẢNH-HƯỞNG GIÁN-TIỆP CỦA MÂY NHÀ Y-HỌC ĐỐI VỚI NHI-ĐỒNG

HOA-BÀNG

Như các bạn đã thấy ở kỷ trước, nước ta từ xưa đến khi tiếp xúc Âu-tây, chưa có gì gọi là làm việc nghiên-cứu nh. đồng cả.

Mà từ sau khi đã chịu ảnh-hưởng học thuật Âu Mỹ đến giờ, nhi-dồng dần thành vấn đề, nhưng vẫn chưa được người mình đặc biệt chú ý, cho nên nhi-dồng học vẫn chưa được liệt làm một chuyên-khoa, mà danh từ « nhi-dồng-học-giả » bây giờ còn thấy thiếu trên trang tự-diễn Việt-nam.

Nay muốn kỹ-thuật một thiên lịch-sử nhi-dồng-học của ta, thiết tưởng đó là một việc trăm khó, nghìn khó. Vì từ khi xoay theo tân-học, người mình tuy có đề ý đến nhi-dồng, nhưng công việc nghiên-cứu chưa có hệ-thống, mà việc làm về phương diện ấy chưa thật thành-hình rõ rệt. Vì thế, phạm những tai-hậu tương quan đến vấn đề này thấy đều tản mác rải rời, khó bề trau-luộm trong một thời gian-ngắn mà bao quát đầy-đủ được.

Mà hình như phần đông người mình không quan tâm đến vấn đề nhi-dồng cho lắm, nên trong khi tiến hành công-việc này, tôi từng vấp phải nhiều trở lực rất đáng tiếc !

Vậy xin cứ theo tầm tai mắt

thiên cận của kẻ cầm bút này mà đánh bặt-viết ra, chắc là không sao tránh khỏi những điểm lộn-xộn thêm sót. Ngoài sự mong lượng rộng thứ ở các bạn thiện-mến, tôi còn cần phải thanh minh đôi lời :

Trong thiên khảo-cứu này, hề nói đến một cá-nhân hay một đoàn thể nào, là chỉ vì cá-nhân hoặc đoàn-thể ấy có liên quan đến vấn đề nhi-dồng ở ta. Vậy chắc hẳn không phải là ý thêu-vi. Nhưng hề quên sót ai hoặc hội nào đã làm công-việc cho nhi-dồng ở xứ này, là vì vô ý chứ không phải do một tư-tám hẹp hòi. Để bồi tức cho những điểm thiếu trống ấy, cố nh.ên là phải trông đợi ở các bậc cao minh.

Gần đây, bác-sĩ Nguyễn Văn-Luyện ra cuốn *Sản dục chỉ nam*. Qua năm 1942, sách đó được in lại lần thứ tư (1). Nội dung tuy trau-giồi những thượng-tước về sự sinh-sản, những điều vệ sinh cần-thiết và những cách dùng thuốc trong tử-gia-dinh, nhưng có ảnh-hưởng gián-tiếp rất lớn đến con nít.

Trong « lời dẫn » tác-giả viết : « Quyền thứ nhất chia làm hai phần (...) Phần thứ hai nói về cách nuôi trẻ và chăm nom cho

nó từ lúc lọt lòng, cho đến khi khôn lớn. Các phép cho bú nói tương tự từng ngày từng giờ, lại có mục riêng về đưa yếu đuối, về bệnh của trẻ sơ sinh, về thân-thể của trẻ con, sự tiêu-hóa của nó, việc mọc răng và các bệnh xảy ra lúc 3-5 » (tr. 5).

Đến quyền thứ hai, tác-giả nói về phép chữa bệnh cho trẻ con, trong có những mục như : 1) Cách dò xét bệnh của trẻ con, 2) phép chữa thuốc cho trẻ con, 3) các chứng bệnh của trẻ con. Tác-giả có viết ở « lời dẫn » rằng : « Quyền thứ hai là một sách thuốc phổ-thông : sau những mục tổng luận về phép chữa thuốc, cách dò xét sức khỏe của trẻ con, mới nói đến bệnh tật của trẻ » (tr. 5).

Như vậy đủ thấy rằng tác-giả *Sản dục chỉ nam* đã làm bảo-kộ nhi-dồng một cách đặc-tục bằng những sở năng của nhà y-học.

Có thể nói, sau khi cuốn *S. D. C. N.* ra đời, nhi-dồng Việt-nam đã được nâng lên một địa vị khá cao trong xã-hội, vì người ta không khinh-suất trong việc nuôi dưỡng trẻ con tức là người ta đã có một quan-niệm mới đối với nhi-dồng vậy.

Sau bác-sĩ Nguyễn Văn Luyện với cuốn *Sản dục chỉ nam* và bác-sĩ Cao Xuân Cầm với cuốn *Nói chuyện nuôi con* (2), - năm 1941, bác-sĩ Lê Hữu-Mỹ cho xuất bản cuốn *Tuổi xanh* (3) trong chia làm ba phần:

Phần thứ nhất.

- 1) Việc trông nom cho trẻ tăng nặng.
- 2) Việc tắm rửa cho trẻ,
- 3) Quần áo, tã lót,
- 4) Vệ sinh về việc ngủ,
- 5) Nói về sự ăn uống,
- 6) Nói về cuộc đi ra ngoài đời sống,
- 7) Nói về cuộc chơi đùa và về cuộc tập thể thao,
- 8) Nói về sức lớn của trẻ,
- 9) Nói về giáo dục trong gia-đình.

Phần thứ nhì,

- 1) Nói về các trẻ yếu ớt,
- 2) Nói về đứa trẻ sinh ra to lớn quá số bình-thường.

Phần thứ ba

- 1) Công việc trông nom khi trẻ ốm đau,
- 2) Các bệnh thường có ở ngoài da,
- 3) Nói sơ lược về các bệnh ở bộ tiêu hóa,
- 4) Nói sơ lược về các bệnh ở bộ hô hấp,
- 5) Nói về mấy chứng đau về thân,
- 6) Nói về các bệnh thuộc về ngũ quan,

- 7) Nói về các bệnh di truyền,
- 8) Nói về các bệnh ở máu,
- 9) Nói về sự đề phòng các bệnh,
- 10) Nói về các bệnh do thời-tiết.

Kể sơ nội dung cuốn *Tuổi xanh* ra đây, các bạn đọc thân mến cũng có thể biết qua rằng đó là cuốn sách chuyên chú về phương diện nuôi dưỡng và phòng bệnh nhi đồng.

Nói « *Mấy lời nói đầu* », tác-giả *Tuổi xanh* có viết:

«... Tuổi trẻ là hi-vọng, là tương-lai của gia-đình và tổ quốc, là một phần-tử rất quan-trọng của quốc-gia. Tùy theo sự chăm nuôi, dạy dỗ các trẻ mà sau này quốc-gia sẽ mạnh hay yếu, sẽ bước nhanh hay chậm trên con đường tiến-bộ... »

Xem đó, đủ biết tác-giả T. X. có cái nhiệt-tâm tới với vấn-đề nuôi trẻ là thế nào.

Cuối năm 1942, bác-sĩ Lê Văn Ngón cho ra cuốn *Bệnh ho lao*. Tác-phẩm này tuy là một sách chuyên môn « giúp người mạnh biết cách mà phòng ngừa, người đau biết cách mà tiếp dưỡng » (*Thay lời tựa*, tr. 19), nhưng tựu-trung có nhiều mục cũng liên quan đến nhi-dồng, như: *Bệnh lao của mẹ có thể truyền cho đứa con còn ở trong bụng không*, và làm cách nào cho đứa bé có cha hay mẹ bị lao thoát khỏi bị ho lao.

Ở mục « *Cách dùng B. C. G. (Bacille Calmette Guérin) tá-giả Bệnh ho lao* » chỉ bảo phương-pháp dùng B. C. G. đối với nhi-dồng (tr. 130). Đến mục « *Đứa bé*

nào nên uống B. C. G. », tác-giả viết rằng: « Vì phần đông lương-y còn nghĩ B. C. G. không có công-lệu chắc-chắn, nên họ thường khuyên như vậy:

1-) Nếu đứa nhỏ sanh ra mà không gầy gù người bị lao thì không cần cho nó uống B. C. G.;

2-) Nếu mẹ nó bị lao hay chung quanh nó có người bị lao (cha nó, ông bà nó... cùng ở chung một nhà) thì cho nó uống B. C. G. » (tr. 131-132).

Để tìm cách cứu vãn cho hàng trẻ có cha hay mẹ bị lao thoát khỏi bệnh lao, tác-giả B. H. L. có nêu lên hai phương pháp:

1-) Phải để nó ở xa người bị lao »;

2-) « Phải có thuốc ngừa lao cho nó » (tr. 281 — 284).

Rồi bác-sĩ Lê Văn Ngón kết luận: « Nếu quả biết đề-dặt, họ lo gì chẳng được khoẻ mạnh như những kẻ khỏe mạnh trong đời ? » (tr. 384).

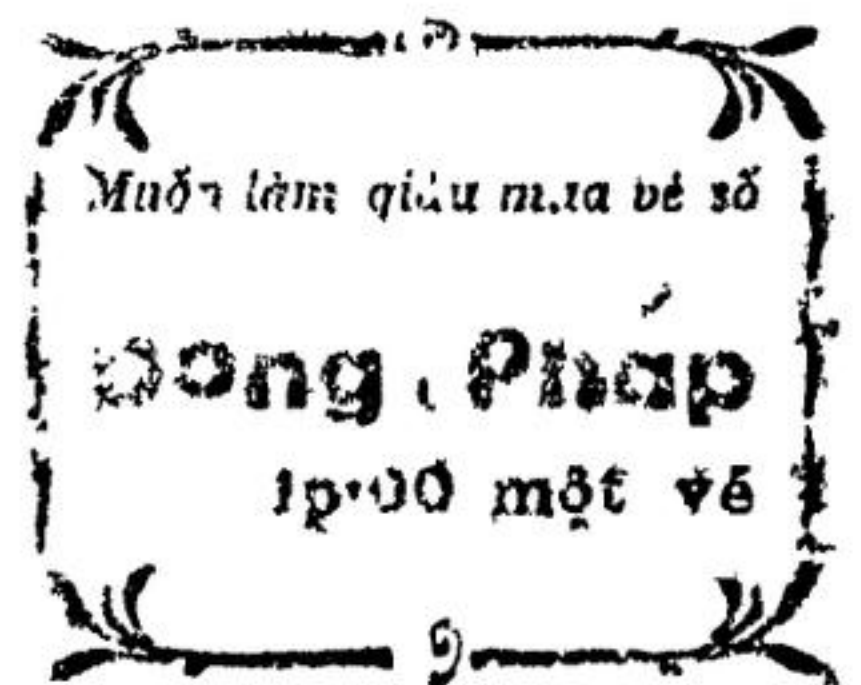
Tuế đủ biết tác-giả B. H. L. đã đặc-biệt để ý đến nhi-dồng bằng cấp mắt y-học.

HOA-BẢNG

(1) Thụy ký. Hanoi xuất bản.

(2) Vì không sẵn tài liệu trong tay khi viết bài này, nên tôi không kịp nói kỹ về cuốn này.

(3) Lê Văn Ngón, Hà-nội, xuất bản.



NHỮNG VIỆC LỪNG-LỎNG TRONG SỬ NƯỚC TA

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ông Tả - Ngọc Nguyễn - Lân có biên-thuật một quyển sách đề là *Những trang sử vẻ - vang* (Từ trước cuộc nội-thuộc Tàu đến đầu triều Gia-Long), tất cả 65 chuyện, chia làm 2 cuốn, nay mới cho in cuốn I, chép đến đầu đời Lê, có 35 chuyện. Nhà Mai - lĩnh xuất bản, được 200 trang, khổ giấy 15x20.

Toàn là những chuyện ngắn-ngắn, viết rất rõ ràng. Duy có một vài câu hơi câu-kỳ, như câu «nền độc-lập như treo vào sợi tóc» (ở trang 92), bình như không đúng, vì đã là cái nền thì treo làm sao được?

Phần nhiều lược thuật theo sử chữ nho, nhưng cũng có chỗ lấy ý riêng thêm vào, thí dụ trang 62 có câu: «Trạng bọ đại - thần có Nguyễn Bặc là một ti-tướng chân tay của Đinh Tiên hoàng khi trước, thấy thế không chịu được, bèn họp hai đại-tướng khác là Đinh Điền và Phạm Hạp lại mà nói rằng: — Thái-hậu nội loạn, Lê - Hoàn lộng quyền, chúng ta yêu nước, nếu không sớm lo vì vua trừ loạn, mặt nào nhìn thấy Tiên-đế ở dưới đất nữa?» Đoạn này so với sử chữ nho thì không đúng: *Khâm-định Việt - sử* (q 1, tờ 9 b) chép «Nguyễn-Bặc là Đinh-quốc-công» mà ông Lân gọi là «ti-tướng chân tay khi trước» thì chắc là nhầm, và từ chữ «Thái-hậu» trở xuống là câu nói của một người trung-

nghĩa, thì không nên thêm ý riêng, phải chép cho đúng. Nguyên chữ nho là «Lê-Hoàn tương bất lợi ư nhự-tử, Ngô bối thụ quốc hậu-ân, nhược bất tảo đồ, dĩ an xã tắc, hà diện mục kiến Tiên đế ư địa hạ?» nghĩa là «Lê-Hoàn sẽ không lợi cho Nhự-tử. Bọn ta chịu ơn dày của nước, nếu không sớm lo toan để yên-xã-tắc, mặt mũi nào thấy Tiên-đế ở dưới đất nữa?». So với câu ông Lân thuật lại, có chữ không thấu hết ý nghĩa, có chữ lại thêm ý riêng.

Đến chuyện, ông chép cũng nhầm hoặc không rõ, như câu «hai bên đánh nhau ở Hoa-lư» và câu «đều bị chết cả» (ở trang 62). Chính sử *Khâm-định* chép: «Lê-Hoàn cùng Nguyễn-Bặc, Đinh-Điền đánh nhau ở Ái-châu», chứ không phải Hoa-lư «đều chết trận», còn «Bặc bị bắt đưa về kinh-sư Hoa-lư», Lê-Hoàn trách mấy câu rồi giết. «Hạp chạy về Bắc-giang, Lê-Hoàn đuổi theo, bắt về kinh-sư, rồi giết». Trang trên, tức trang 61, có câu «Tiên-hoàng say rượu nằm ở trong cung» cũng không đúng: chính là đêm uống rượu nằm ở sân cung.

Nhưng việc như thế, có nhầm hay thiếu, kẻ cũng không hệ-trọng gì mấy; duy có việc «vẻ - vang» nhất là việc Lê-Hoàn (980 - 1005) đánh đuổi quân nhà Tống, mà ông Lân bỏ sót, không lược thuật lại thiết tưởng thế là một chỗ thiếu

đáng tiếc cho một cuốn sử có giá-trị. Sử chữ nho chép rằng: Sau khi Đinh Tiên-hoàng bị giết, Đinh-Toàn nối ngôi mới lên sáu tuổi, tri-châu châu Ung là Hầu-Nhân-Bảo dâng thư về vua Tống, nói rằng nước ta nội loạn, có thể lấy được, vua Tống mừng, sai Hầu Nhân-Bảo và Tôn Toàn-Hung, Trần-khâm-Tộ, Lưu-Trùng, Giả-Thị chia làm hai đường thủy bộ, bốn ngày sang đánh nước ta, quân hùng tướng mạnh, khí thế rất là háng - hách. Lê-Hoàn tự làm tướng đem quân ra chống cự, trận đầu bị thua, thế mà Lê-Hoàn cố trở tài võ mưu văn, giết được Hầu Nhân-Bảo, quân Tống bị chết quá nửa; Lê-Hoàn lại bắt sống được bốn bộ tướng của Tàu là Quách-quân-Biện, Triệu Phụng Huân, làm cho vua Tống phải xuống-chiều thu quân về.

Sau Lê-Hoàn nhận sắc chỉ của Vua Tàu không lấy, và thả cho dân sang cướp bóc quấy nhiễu biên-giới nhà Tống. triều thần nhà Tống như bọn Cưu-Mỹ, Thiệu-Việt đều tâu với vua Tàu đề sang xâm lấn nước ta, vua Tàu đều bác đi, lúc thì nói vì khí-lam-chương, sợ chết hại nhiều, lúc thì nói đương khi người ta có tang, không nỡ cất quân sang đánh.

Nhưng chính thực là từ khi bọn Tôn Toàn-hung bị Lê-Hoàn đánh, vua Tống có ý e-sợ, cho nên Lê-Hoàn đối với nhà Tống dù kiêu-ngạo thế nào, vua Tống cũng không dám nghĩ đến việc sang đánh nữa.

Một việc vẻ-vang cho sử nước nhà như thế, mà lại bỏ vào

thời kỳ mới xây nền độc-lập, thì lại càng quý lắm, thế mà mà ông Dân hồ đã có lẽ ông t eo các cụ xưa thưởng chế Lê Hoàn là cướp ngôi của chủ nên không nói đến chẳng? Tại thiết-tướng không nên câu-nệ một tiểu-tiết mà dìm một việc hay của người, mà cái việc hay ấy lại có ảnh-hưởng cho dân vào trước đến mấy nghìn năm về sau.

Tuy thiếu, nhưng sách của ông Lân có thể coi như là sách phát thưởng cho học - trò, chắc thế nào cũng tái bản, nên tôi chưa thêm mấy chục trang trên, như sau này. Trang 27, ông Lân nói Mã-Viện « không thể đi đường bề » là nhầm, vì sử chữ nho chép rằng « Khi đốc lâu - thuyền trở g quân là Đoàn-Chí chế. Vua Hán xuống chiếu cho Mã-Viện kiểm quân ấy » : thế là Mã-Viện có đi cả đường bộ và đường thủy. Trang 133, có câu: « Khắc-chuông từ biệt ra về, Ô-mã Nhi tỏ vẻ phục tài ứng-đối bất-thiếp » Câu ấy nguyên chữ nho rằng: « Khắc-

chep g từ đời, Mã - Nhi vị chế tướng viết: Thử nhân đương ay chế chi tổ, tặc-khi tự nhược, bại ty chủ vi Tịch, bất siếm ngã vi Nghêo dẫn viết gia cầu phệ ni ân. thiên tr ứng đối, khả vị bất nhược quân anệch, bỉ quốc hứa nhân vi đi đờ gu », nghĩa là « Khắc-

cáo từ ra về, Mã-Nhi bảo các trông rằng: Người ấy đương khi bại tiếp-chế, mà từ khi vẫn tự nhiên không nhưa chủ mình là tên Trịch, không nhát là vua Nghiêu, chỉ nói chỗ nhát của người, thật là gỏi về ứng đối (ở thế gọi là không nhục mệnh vua. Tớ là

chỗ của tên Trịch (tên ăn cướp có 1 g cái vua Nghêo (ông vua ở n n dừ), ý nói không phải chủ nó thì nó cần, dù chủ nó là tên ăn cướp mà người lạ kia là người nhát được: thế mà Khắc-Gu g k oug chịu nói chữ Trịch ở Nghêo, cho nên Mã-Nhi mới chịu phục là gỏi. Nhưng câu như thế, không nên lược đi.

Còn những chữ nhầm ni ở nhất, tuy không quan hệ gì, nhưng cũng nên đề ý như trang 75 chế câu « Kể kim vũ công độ nhất » cho là chữ của Việt-sử tông « Vĩnh thi niâm: chính là chữ của Đại-Việt sử-ký, mà Việt sử tông vĩnh dẫn vào, nhưng không biên rõ. Trang 87 - 88 chép tên mấy người Tống-cử không chưa chú quốc-nhữ hay chưa niâm, như Subotai là Tổ hổ thại, Og ta là Oa-kheá - đà, hoặc A bát-dải, chứ không phải A-lôa dài (xem René Grousset, Histoire de l'Extrême-Orient, tr 419, 430, v. v.).

Tôi kể qua một vài khuyết-dểm để giúp việc tái-bản Quển sách của ông Lân thật có giá trị

Tuy trên bài tựa ông nói « không có cái cao vọng làm công việc mở sử-gia dạy cô g nghề - gu », nhưng tôi thiết-tượng nên mở sách nho kê cứu lại, thì quển sử phổ thông này sẽ thành một quển giáo-khoa mô phạm.

Ưng học NGUYỄN-VĂN-TU

ĐỀ HOA YÊN TỰ

Yên sơn sơn thượng tối cao phong,
Tái ngũ canh sơ nhật dĩ hồng,
Vũ trụ nhơn cùng thương hải ngoại,
Liêu đằm khân tại bịch vân trung.
Ứng môn ngọc sáo âm thiên mẫu,
Quải thạch châu lưu lạc bản không.
Nhân miêu dương niên di tích tại,
Bạch hào quang lý đồ trung-đồng.

NGUYỄN TRÁI

Dịch :

Đỉnh núi Yên cao ngất mấy trùng,
Đầu canh năm đã thấy vầng đông,
Mắt như mặt bể xa xôi lạc,
Người ở trên mây nói với cùng.
Trúc mọc thẳng giương hất mấy mẫu,
Suối tuổ róc-rách nửa chừng không,
Dấu xưa Nhân miếu nay còn đó,
Trong ánh hào quang lý đồ trung-đồng.

TRỊ NHAM

nước họ có người gỏi, chưa để mưu-tính nổi », cứ như thế, không những Mã-Nhi phục tài ứng-đối của Khắc-Chuông mà thôi, lại sợ trong nước ta có người gỏi nữa. Và như câu « chỗ nhà cậu nười », nguyên chữ nho là « địa chỉ cầu phệ Nghiêu » nghĩa là

Truyện cũ Chu-An

Số 2

TRẦN HẠM-TÂN

Chúng ta thường chỉ xã Tức-mặc, tổng Đông-mộ, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định là quê hương nhà Trần, trong bia tuổn đạo ở An-sinh thuộc huyện Đông-triều, tỉnh Hải-dương, có chép: ... Đời trước nhà Trần ở An-sinh về Đông-triều, ... cho nên phần nhiều làng vua nhà Trần còn di tích ở xã An-sinh, tổng Mỹ-sơn thuộc huyện này. Xưa kia mấy vua nhà Trần xuất giá cũng đều từ ở núi Yên-tử về phía đông Bắc-huyện mà dừng chân với họ như Trần-nguyên-Đán thân thảo về hưu cũng ở núi Côn-tử là Côn-sơn, là Kỳ-lân sơn thuộc xã Cui-ngại tổng Cui-ngại, huyện Chí-linh cùng một tỉnh Xê-ti thế thì biết vùng Chí-linh, Đông-triều đang thấy thờ nhà Trần là mộ xứ danh thắng đồ hồ; huống chi là Phương-hoàng-sơn (tức Kiệt-đạt sơn thuộc tổng Kiệt-đạt cùng huyện) vốn là chỗ đạo-sĩ Huyền-Quang luyện thuốc trường thọ kỷ trước, và chính đời nhà Trần đã dựng cung Tử-cư và nhà Lưu-quang ở trên, lại thêm cảnh sắc ở nhà ngọn núi giữ lại một bên như cảnh phương-trong cổ đồ g. dưới có g. sông sông, bên có sông, rừng sách An-nam-chi có chép: ... Kiệt-đạt sơn thanh toàn tiêu thạch, ... có hào phóng, hữu thể ngời chói ... ở núi này ... nhà ở đây, tiều-dao tự đắc, thường ngâm vịnh làm vui, như câu

Thân dữ cỏ vân trường luyện
Tâm đồng cỏ tỉnh bất sinh lan

身與孤雲長戀岫
心同古井不生漚

Thế thì ý cụ thể nhất định lấy nước biếc màu xanh làm bạn đời mà đám mây cỏ kia không thể quên quít được nữa; cụ thể hiệu là Tiên-ân.

Dẫu vậy cứ mỗi kỳ triều hội trước cửa khuyết bái yết, Vua Giu-tông ủy chính sự cho cụ làm, cụ từ chối chịu nhận, Hiến-tư thái-hoàng thái-hậu (vợ vua Minh-tông) bèn bảo rằng: "Kể sĩ tha-thu kia, thiếu-tử không thể ép làm tôi được, thì có thể nào đem chính sự sử nội được người? Vua bèn khiển nội thái mang ý phục ra ban cho. Cụ lại là lĩnh sửa soạn, nhưng sẽ đem lạng cho người ngoài. Cụ chẳng như ai, một chỗ để khuất thân mà bỏ nghĩa quân ta, cụ cũng chẳng dám từ của tòng-tứ mà cũng chẳng để của ấy sử mình, cho nên thiên hạ đều phục phong tiết cụ rất cao."

Từ năm Thái-trị thứ mười hai (1369), vua Giu-tông mất, con vua Giu-tông là Giu-đệ-đệ (vua Giu-đệ-đệ) cho dân vô tư bãi Hiến-tư lấy Đông-nhật-Lễ (vua Đông-Vương-mẫu vợ "Cung-tắc" dân vương hương chiếu con cháu của tiên thái Đổng-khương) làm Thái-tử rồi lên ngôi Hoàng đế đời nguyên là Đại-dận (1369) Nhật-Lễ

đã đem ra ăn ở, còn đã, năm nào nó đã đánh thuộc, độc ngâm bà Hiến-tư ở trong cung và nó định dời kim-chi ngọc-diệp làm họ Dương. Nó chỉ say-sưa dâm-dục, ngày ngày yên chơi, dòng-dòng theo nó chỉ thích chơi trò vật. Tỏa-thất và trần-quan đều thất vọng.

Trong đời nhà Trần cho phép những thần-vu và công-chúa dùng ít nhiều người thân để làm gia-nô. Thái-tử Nguyên-Trác cũng Thiên-ninh công chúa với ít nhiều tôn thất đang đem đem gia-nô vào thành trừ giết Nhật-Lễ, tại nó treo tường lên sạp dưới cửa, treo mặt. Khi Nguyên-Trác và Thiên-ninh kéo về, ngờ dân trời vực sáng thì nó ở trong cung đã sai họ rời ra tìm nã lấy những kẻ chủ mưu ấy được mười tám người, đều bị nó giết. Cổ ngữ Trần-nhật-Hách cùng mưu với Nhật-Lễ giết tôn-thái nhà Trần vào dịp này. Xã-tả san đã nhà Đông-a cơ-hoàng nguyên, Thiên-ninh vật-vật mà bị Cung-dận từ chối. Phần hạ của tôn-tống nhà Trần, số đó là bao người khác? Em cứ lên đi mà tìm đường kẻ phá. Cung-dận có con gái gả cho Nhật-Lễ, sợ vua đến miền, nhà trên tôn Đại-giải-giải những người ngâm với Cung-dận trong Nguyên-Đán và Thiên-ninh họp ở nhà, các sông Đại-lại (tên gọi núi Thanh-hoà đời ngườ). Khi ông ra đi có mấy câu thơ cảm khái:

* Thơ lừng lẫy thủ thiên hàng
Vạn lý môn tâm lương mấn
Khử Vũ đồ tôn Đường xã tắc,
Aa "Lịch sử" Hào quân

七陵回首千行淚
萬里門心兩鬢斑
去歲圖存唐社稷
安劉復觀漢衣冠

Tập thất trăm quan cũng dần
dần ra khỏi thành theo ông và
khuyết ông nên về dẹp yên nội
loạn. Ngày tháng mỗi năm ấy
(1370), ông đem quân tiến về
kinh thành. Khi đến Kiến-hưng
(Nghĩa-hưng thuộc tỉnh Nam-
định), ông lên ngôi Hoàng đế tự
xưng nghĩa-Loàng, quân thần
tôn hiệu là Tể-thiên kiến-cực
thuận-hiền hoàng đế. Ngài hạ
lệnh ngay bỏ Nhật-Lễ làm lễ Đôn-
dức tôn và đặt thiên-hiệu
Thiếu-khấu (1370)

Cụ đang phảng phất nhàn lã
Thái vạ Anh-tống hèn gò nài
An-minh, ngâm thơ
"Tùng lập o" thắm tỏa nhạt
tương lịch,
Yên thảo như đài mê loạn
thách,
Aại đàm thiên sơn phong cảnh
bầu.

Liều trăm vạn cả vắn vô lịch,
Khê hoa dục lạc vãi ti ti.
Đã đều vất mình sơn-tị h tịch,
kỷ độ trú-trừ hành phục hành,
Bình vu vô tận xuân sinh bích.

長秋深鎖日持戈
疆草如苔迷亂石
臂淡千山風策蹇
銷沈萬古雲無跡
殘花欲落雨絲絲
野鳥不鳴山寂寂
殘甃躊躇行復行
平林無盡春生碧

Nghĩa là:

* Vườn thông thắm thắm trời
hầu lối,
Cỏ ngát như rêu đá lẫn lối,
Tê mờ ngàn núi gió thêm buồn,
Chim tìm muốn xui thây sượt
lối,
Mưa bụi hoa bay mấy rặng khe,
Rừng im tiếng vắng đàn chim
nội,
Mấy bận dập dờn đường lại đi
Đồng bằng mãi-mãi xuân nên
lối,
Nghĩa gọi Cung đình-vương
đã dẹp yên nội loạn đây lại hòng
dò cụ mừng lắm, bọn chống
gậy đi bài yết. Quan sơn cách

trở, lòng thần tử sao nữ quở
vua phù qui phù vắn, chỉ đạo
dức chãi nên dốc-lực, đương
Phượng sơn bấy giờ đã thao
sấn di vắn như Bắc-sơn sẽ đưa
bầu cụ. Trái lại, cụ chẳng chịu
nặng chức tước gì trong triều
cả ở triều thần chỉ rích, lạy tạ
xin về. Hoàng đế cử hậu lễ tể-
tổng mà cũng chẳng lấy danh
lợi cương tỏa cụ nữa. Khi cụ ra
về, Nguyễn Đán thâu quân
nguyên lão nhà Trần và đã lạng
trò khi cụ mới đến làm Tư-
nghiep. lại lạng có mấy câu:
"... Huệ trưởng vật sồi cỏ học
oán,

Bồ loan hảo vị hạ dân hồi,
Hi triều xã tắc thiên phương lộ,
Khổng sử tiên sinh lão bích ôi.

蕙帳勿猜孤鶴怨
蒲輪好爲卜良期
熙朝社稷天方作
片石人生老已遲

Nghĩa là:

* Mên huyệt bỏ không thấy huyệt
đầy,
Xe hồ quay lại vị đôn xiết
lạ lạ xã tắc cần đạo vương,
Chịu để ông già cánh gió
giải, g?
(còn nữa)
TRAN-HAW TAN

3 Bộ sách mới

THUY HỮ

Bản dịch của Trần Tuấn Khải
Giá: 3.500

TRƯỜNG CHI

Kịch thơ của Vũ Hoàng Chương
Giá: 6.500

VỤC-THÂM

Chuyện dài của Nguyễn Hồng
Giá: 4.500

NHÀ XUẤT BẢN ANH HOA

69 Hàng Lữ Hán - Văn phòng 115 Henri Dorel - Hanoi

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

36 74

Ứng-hoà NGUYỄN-VAN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều, (bài nói)

Các bản đều viết: « Thấy chàng đau nỗi biệt-ly, Nhấn ngừng ông mới vỗ-về giải khuây ». Duy Vương Kim diễn tự (bản sao của Bá - cổ, số AB 234, tờ 79 b) chép là « Liệu lời ông mới vỗ-về giải khuây » và chưa rằng « hai chữ nhấn ngừng là tiếng kính: nhấn nghĩa là nhẹ, ngừng nghĩa là đứng lại ».

— Đến câu « Rằng: Tôi chót quá chân ra, Bề cho đến nỗi trôi hoa dạt hèo », kinh - bản của cụ Kiều-oánh-Mậu (Đoạn trường tân thanh, tờ 71 a) chép là «...chót lở chân ra ».

— Câu « Bao nhiêu của mấy ngày đang, Còn tôi, tôi một gặp nắng mới thôi », bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-vào-Vĩnh (in năm 1943, tr. 679) chép là « Còn tôi tôi gặp mặt nắng mới thôi ».

— Bốn bản nôm chép là « Nỗi thương nói chẳng hết lời, Tự từ sinh mới sụt-xỉn bước ra ». Quốc-ngữ cũ của ông Vĩnh (in lại năm 1920, tr. 172) chép là « trở ra ». Chữ « bước » với chữ « trở » cùng phải nghĩa cả. Duy quốc-ngữ mới (tr. 679) viết là « ra đi » thì mất văn, vì câu dưới là « Vội về sửa chốn vườn hoa ».

— Câu « Thẩn-thờ lúc tỉnh lúc mê Máu theo nước mắt, hồn lìa khỏi bao », phường - bản của Quan-văn-dương (tờ 89 b) chép là « Ghép-chờm lúc tỉnh lúc mê ». Chữ « ghê » ra, trong khi ngủ thì chữ « ghép-chờm » hay hơn chữ « thẩn

thờ », cho nên quyền Việt-nam tự-diễn dẫn câu « Ghép-chờm cơn tỉnh cơn mê » vào chữ « ghép ».

— Hai bản quốc-ngữ của ông Vĩnh, phường - bản và Kim Vân Kiều chú (bản sao của bác-cổ, số AB 233, q 3 tờ 36 a) chép là « Người yêu đến, kẻ văn-chương ». Kinh bản và Vương Kim diễn tự chép là « khách văn chương ». Đến câu dưới, kinh bản, Kim Vân Kiều chú và hai bản quốc-ngữ đều chép « Tại tại gái sắc xuân đương vửa thì ». Phường-bản và Vương Kim diễn tự chép là « xuân đương gặp thì ».

— Mấy bản nôm và quốc-ngữ mới (tr. 684) đều chép « Tuy rằng vui chữ vũ-qui, Vui này đã cất sâu kia được nào ! ». Quốc-ngữ cũ (tr. 173) chép là « Vui này để cất sâu kia được nào ? ». Kinh - bản chép « Vui này đã gác... ».

— Đến câu dưới, các bản đều chép « Khi ăn ở lúc ra vào, Càng âu duyên mới, càng dạo tình xưa », duy quốc-ngữ mới (tr. 684) chép « Càng xâu duyên mới... ».

— Các bản đều viết « Bể bại rầu-rĩ tiếng tơ, Trăm bay lạc khỏi gió đưa lay rềm ». Duy quốc-ngữ mới (tr. 685) chép là « Bể tai » mà dịch là « bể đã lại lại » thì không đúng: « bể bại » nghĩa là dèo-dắt.

— Quốc-ngữ cũ (tr. 174) kinh-bản, phường-bản đều chép « Đường này bên nóc trước thềm, Hết Kiều đồng-vọng, bóng nhem mờ-màng ». Quốc-ngữ mới (tr. 686) Vương Kim diễn tự và Kim Vân Kiều chú chép là « bên nóc bên

thềm ». Còn chữ « đồng-vọng » ở về dưới, có bản chép là « mừng-tượng ».

— Quốc-ngữ mới (tr. 688) và phường - bản chép là « Tình xưa ăn trả nghĩa dèo, Gai thân tên mới kết duyên Châu Trần ». Quốc-ngữ cũ (tr. 174) và kinh-bản chép là « lại mới ». Vương Kim diễn tự chép là « nên lại ».

— Các bản đều viết « Rẽ bèo chân sóng lạc loài, Nghĩ mồi vịnh hèo, thương người lưu-ly ». Duy phường-bản chép là « Nợ bèo ».

— Quốc-ngữ mới (tr. 691) và phường - bản chép « Phòng xuân trưng rủ hoa dãi, Nắng Ván ấm hồng chiêm bao thấy nắng ». Kinh-bản và Vương Kim diễn tự chép là « Đêm xuân ». Quốc-ngữ cũ (tr. 175) chép là « Phòng hương ».

— Các bản đều viết « Tình ra mớ ri cùng chàng, Nghe lời chàng cũng hai đòng tin nghi ». Duy kinh-bản chép là « Tình ra mới học, cũng chàng » và chưa nghĩa « học là nói lại; chữ học ấy bắt trước ở truyện Hoa Tiên ».

— Câu « Tú-bà cùng Mã-gấm-sinh, Đi mua người ở Bắc-kinh đưa về » kinh-bản chép là « Có mua ».

— Đến câu « Thúy Kiều tái sắc ai bi, có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ », kinh-bản chép là « Thúy Kiều sắc-xảo ai bi, Đã nghề đàn lại đủ nghề văn thơ ».

— Quốc-ngữ mới (tr. 694) và phường bản viết là « Phong - trần chịu đã ở đâu, Đầy duyên sau lại gả về Thúc - lang ». Kinh - bản và Vương Kim diễn tự chép là « Tô duyên sau lại xe về Thúc - lang ».

Còn quốc-ngữ cũ (tr. 176) viết là «giả» thì nhầm, chính là chữ «giả», đọc là «gả».

— Kinh-bản và quốc-ngữ cũ chép là «Bực», mình nàng phải trốn ra, Cuồng may lại gặp một nhà Bạc kia». Quốc-ngữ mới (tr. 695) chép là «nàng mới trốn ra». Phương-bản và Kim Vân Kiều chú chép là «dứt mình».

— Câu «chưa tường được họ được tên, Sự này hỏi Thúc-sinh viên mới tường», kinh-bản chép là «Sông còn chưa biết họ tên».

— Phương-bản và quốc-ngữ cũ (tr. 178) chép «Nghe lời Đò nói rõ ràng, Tức thì viết thiệp mời chàng Thúc-sinh». Kinh-bản và Vương Kim diễn tự chép là «đưa thiệp». Chữ «viết» và chữ «đưa» nghĩa cũng giống nhau. Quốc-ngữ mới (tr. 698) viết là chữ «đế» là nhầm ở chữ «đưa» ra. Một chức quan gọi một người học-trò thì không phải dùng đến chữ «đế».

Theo bản Kim Vân Kiều của Thanh tâm tài nhân (bản sao của Bắc-cổ, số A 953, q. 4, tờ 39 b) dịch như sau này:

Năm ấy Kim-Trọng cùng Vương-Quan đều được vào học ở nhà Phan (tức là ban tú tài), Vương-Quan nghĩ đến ora Công - Sự là người đã thu xếp cho Vương ông khỏi nạn, thân hành đến tạ, thì Chung Sự lại xin gả con gái, đề hai nhà kết thân. Bấy giờ học năm ấy Kim-Trọng và Vương-Quan đều đỗ Hương-bằng (tức cử-nhân). Sau khi xem bằng đỗ, hai người đều thân hành đến Lâm-anh dò hỏi, đều không thấy tin. Qua ba khoa sau, Kim-Trọng

đỗ tiến-sĩ, nhưng gặp tang cha, phải chờ Lết tang, được bổ huyện lệnh Lâm-tri, đem cả gia-quyển đến chổ làm quan.

Có một hôm Thúc-Vân nói với Kim-Trọng rằng: «Đem qua tôi năm mê thấy chị tôi, có lẽ ở chổ này tìm ra tin-tức chăng?» Kim-Trọng chợt nghĩ ra, nói rằng: «Phu nhân không nói, tôi đã nghĩ đến, Lâm-tri Lâm-thanh, chỉ khác nhau có một chữ, biết đâu không phải là nhà nhầm đề ngày mai ra công-đường, tôi sẽ hỏi tra các công việc xem sự-thế thế nào?» Thúc-vân nói: «Chàng nói rất phải». Ngày hôm sau Kim-Trọng ra công-đường, gọi tất cả hai bên lại lệ đến hỏi rằng: «Mười ba năm về trước có người tên là Mã giám-sinh, đến Bắc-kinh mua Thúc-Kiều làm thiếp, sự thế việc ấy thế nào, có ai rõ không?» Không ai giả lời được, chỉ có một người nói: «Việc đã mười ba năm, thì tôi là hậu sinh, không biết rõ. Quan lớn muốn rõ những chuyện đã lâu như thế, trừ phi gọi Đò-lai đến hỏi thì mới biết nổi». Kim-Trọng hỏi: «Đò-lai trước làm gì ở đây?» Bọn thuộc-hạ đều thưa rằng: «Tên ấy nguyên là đầu ban nha lại huyện này lâu năm, nay đã già về ở nhà». Kim-Trọng nghe rồi, liền sai người đi gọi Đò-lai, Đò-lai đến hầu Kim-Trọng. Kim-Trọng hỏi: «Mười ba năm về trước có người tên là Mã Giám sinh lấy Vương Thúc-Kiều ở Bắc-kinh đem về làm thiếp, việc ấy đầu đuôi thế nào? nhà người có hiểu không?». Đò-lai thưa rằng: «Tôi hiểu rõ đầu đuôi việc ấy, nay xin kể. Mã giám-sinh tên là

Mã Bất-Tiến, hình-sinh hạm, rượu mê hoa, già-lai hết sạch, sau gặp một mù giầu, hai bên chung vốn buôn người, chuyên nghề lừa-những đàn-bà con-gái lương-gia, giả danh làm thiếp, đem về làm xường kỹ, nhiều lắm. Mười ba năm về trước giả làm ông nhà giầu, đến Bắc-kinh mua thiếp, lấy một người con gái, tên là Vương Thúc-Kiều. Kiêu là người mười phần phụng-nhã, lại khéo về hồ-cầm tân-thanh. Khi đem về nhà, bắt ra tiếp khách, người con gái kỹ kiện trình, cầm dao tự vẫn, cứu chữa một ngày một đêm mới tỉnh. Sau dùng kế «đều hồ ly quần» (nghĩa là bắt con hồ phải lạc đàn), kéo ra một chàng lãng-tử, tên là Sở Khanh, xui Sở-Khanh dỗ Thúc-Kiều trốn đi, giữa đường bắt được, đem về nhà, lột hết áo mặc, cheo ngược lên sà nhà, đánh đến vài trăm roi, Thúc-Kiều bị những khổ hình ấy mới chịu, cách ba năm, gả cho một tú-tài họ Thúc, lại bị vợ cả là họ Hoạn ghen tuông, làm trăm hình nghìn cấp, làm cho khổ sở điều đứng, Kiêu lại phải chốn đi phương khác. Sau cùng lấy một đại-vương. Hai năm trước quân đến Lâm-tri, bắt Mã Bất-Tiến vằm ra trăm mảnh, Sở-Khanh thì bị lột da, đem giờ chiếu lại, giả thù Tú-bà, đánh đòn họ Hoạn, chém tại Khuyển Ưng.

Bà-Hạnh Bạc-bà hẳn thấy cho nết, cha con họ Thúc, một nhà đều được giữ gìn, Tam hợp, Gá-duyên, hai người đều có hậu-tạng, thật là một người con gái có
(Xem tiếp trang 17)

Thư cho bạn

SỔ MỆNH MỘT CON CHIM CON

Đề nhớ mồng tám tháng mười, ngày giỗ chị Sáu.

BÁCH-THẢO-SƯƠNG

Cố bạn,

Tôi thức giấc, mười hai giờ kém năm. Dưới ngọn đèn lù mù trong gian buồng rộng, lại ngồi vào chiếc bìa con đã sẵn bút mực đợi chờ.

Ít lâu nay, nghe tôi hay thức khuya, chị nghĩ ý phản nản và khuyên tôi, đêm thán trọng sức khỏe. Nghe chị thì tôi vẫn xin nghe, nhưng mà sự thứ đêm, đối với tôi bấy giờ, đã là thói quen rồi. Một thói quen rất ẽm đêm mà rất chưa xót, chị bạn à!

Huống-chị, gần đây, chị lại giao cho tôi một công việc rất cần sự tỉnh mịch cho tinh thần, thì ngoài lúc ẽm tịch này, tôi tìm đâu được những giờ lặng lẽ cho tâm trí học.

Kể ra thì công việc của chị bắt tôi làm đó nó đã khiến cho tôi đỡ quần quai, trong những đêm trường nhiều lắm.

Trước kia, tôi có hay thức giấc như thế này đâu; tâm trí thanh thoi, ngủ giấc ngủ yên lành của trẻ thơ vô tư lự...

Nhưng mà kể từ khi hai cái tang của gia đình dồn đến thì bụng tôi mòng mòng canh tân, chính là lúc nhớ thiết tha đến người đã khuất. Những phút giây giữa đêm, giấc ngủ hẫ hững bên giường người bệnh lại hiện

hiện rõ rệt trong tâm tư; rồi thì gối trào nước mắt, mòng lại không thành bờ vờ trong canh vắng.

Đêm nay, thức giấc từ mười hai giờ, viết được hai mươi lăm dòng thơ cho chị. Hai mươi lăm dòng; mà chỉ có hai mươi câu, cả lối thơ có một điệp cú trong mỗi đoạn này, chắc là cố bạn sẽ thích lắm. Nghĩ thầm như vậy, rồi lòng thấy vui, khi tôi chợt nhớ một câu thơ Thanh bình điệu. Trong trí tôi nhịp thăm câu: *Trầm hương dính bắc ý lơ lửng...*

Đồng hồ gõ hai tiếng đã lâu. Tôi tặc tặc đèn. Chợt nghe tiếng đập lạch bạch chạy từ trên trần nhà xuống và lả lả. Tiếng hơi gió đập gấp và mạnh, nghe rõ mồn một, trong đêm vắng, làm tôi giật mình thảng thốt. Khi đã định tĩnh nghe kỹ, chỉ là tiếng đập cánh của một con chim đang bay là xa, cánh đập bên vách trên trần rã quàng xềng và bối rối.

Tôi căn đèn so theo tiếng đập của một lần đèn loáng lướt qua lại trước mắt.

Mà tôi chợt liên nghĩ và hỏi bạn:

— Cái gì thế?

— Một con chim bay lạch lạch!

Tôi đáp bằng một giọng run run vì cơn giật mình chưa nguôi

bắn. Lúc ấy, trong trí tôi, chợt thoáng qua một ý nghĩ « dĩ duy »: Một con chim bay vào nhà lúc đó khuỷa như vậy có là một đêm bất thường gì đây? Tôi cố ý tưởng nghĩ ngó như vậy là như ngày nhỏ đọc một chuyện tàu mà cái ảnh hưởng nhảm nhí đó in sâu vào tiềm thức.

Con chim chừng đã mỏi. Tiếng cánh đập yếu dần và ngừng theo lưng cửa mở rồi lả xuống bên ngoài. Rồi là lả, không phải bằng lần bầy cánh, con chim chạch, chèo lặn nhẹ bên tấm tay tôi.

Với bắt nó bằng bàn tay run run, vừa rụt rè vừa e sợ. Không biết tại sao, lúc ấy, bàn tay tôi lại vụng về « ngái-ngái » đến như thế. Con chim tuột ra khỏi vài nắm bứt hải ba lần, mới nằm gọn trong lòng tay. Tôi reo khẽ:

— A! Bắt được rồi!

Mà tôi ngồi giật mình!

— Bắt nó là gì?

— Để thả cho nó ra ngoài cho rồi!

Tôi cố ý giữ mạnh hai tiếng « cho rồi! »

Tôi vừa đáp, vừa bước một chân lên thành giường để với thả cái vật mềm mềm nóng ấm đang run trong bàn tay ra khe song trên khung cửa, không kịp nghĩ ngợi và nhìn ngó qua một chút nào.

Tôi mở tay giữa chỗ hở của kẻ song, con chim vượt đi và không nghe tiếng rớt. Yên chí là con chim đã bay về tổ được rồi, vì tôi biết cái tổ chim chính chèo vắn ở cây mai trước sân nhà đó chứ không xa. Yên trí như vậy và cũng yên lòng là đã trực xuất được một điểm bất tường mọi hồ nào mà con chim đã cố ý, lay vô tình, mang vào nhà giữa đêm khuya khuất. Lòng thoáng thấy nhẹ nhõm và hết băn khoăn vì một e sợ không đâu đó.

Chị Bàn, đọc tới đây chắc chị sẽ cười cái người bạn bé bỏng và yếu ớt của chị sao mà lại có những ý nghĩ nhút nhát, sợ-sệt nhảm-nhĩ không đâu như vậy.

Than, ôi! Sợ hãi bạn chị có những cái e sợ ngây ngô đó là vì bước đời đang rấp rấp phải toàn những sự náo lòng, mà cái phút sống bình yên này lại vẫn phải nơm nớp sợ những cái gì cay cù, biết đâu, nó sẽ không xảy đến một cách bất thình lình nữa...

Thế rồi, trong cái yên lặng khoáng - khác, chợt nghe một tiếng kêu thét hãi hùng của loài chim chóc. Tiếp thêm một tràng tiếng kêu thét thiết kinh hoàng. Tiếng kêu bay theo đã bay mà lướt vụt đi... rồi thì im phất.

Tôi sững sốt ngáy người, ôi! nếu vậy thì con chim thích chèo kia không về được tổ rồi!

— Mà ôi! chắc là có « cái gì » đã rình chớp mắt con chim kia rồi!

Mà tôi « ừ » một tiếng ngẩn trong tiếng ngáy trâu lộp cộp, rồi chậm rãi nói:

— Bắt được nó, sao con không nhốt lại, để sáng sẽ thả ra, nó bị chim dữ đuổi, nên mới bay trốn vào đây dờ mà!

Trời ơi! tội nghiệp con chim bé nhỏ nhút nhát vô phúc của tôi! Hơi run run, ẽm ẽm, nóng ấm hây còn giữ nguyên trong làn sức giắc của bàn tay.

Than ôi! cái « điểm gỡ » của tôi đó chỉ là sự trốn « số mệnh » của một con chim khốn khổ. Lòng tôi thấy nao nao lên. Trời! chính tay tôi đã đem một sinh mệnh — ôi! một sinh mệnh bé bỏng đáng thương biết chừng nào — mà làm mỗi cao một « ác thần ». Ác thần, hay số mệnh của con chim khốn nạn, nó là cái gì, là một con cú, con vạ hay loài chim nào dữ dằn đã đón chờ sẵn bên ngoài lớp cửa, ở trong lối đen, ở cõi vô hình...

Tôi dè dặt được sự đón chờ khủng khiếp đó. Ôi! hơi thở nóng ấm đã hén vào lòng tay tôi!

Lòng tôi thấy thương tiếc, với một niềm hối hận không bờ. Bậu chị đã khóc và khóc rất nhiều Bàn ạ!

Than ôi! người bạn xa làm sao lên lời được trong canh dài này uể mả lau nước mắt cho cô em yếu ớt đáng thương!

Khêu lại ngọn lửa, viết mấy dòng này, lệ theo lòng mực ma bằng khuâng vì hai chữ « không để » Bàn ơi!

Trời ơi! « cái gì » đã chờ sẵn bên ngoài lớp cửa, ở trong lối đen kia, để đón bắt con chim nhỏ bé của tôi!

Trời ơi! « cái gì » đã chờ sẵn ở ngoài cõi đời này, ở chỗ vô hình mù mịt kia, để mà cướp mất người chị thân yêu của tôi.

« Cái gì » đây là cái gì? À! để được số mệnh oái oăm đón đầu sẵn ở bên bờ Biệt hạm.

Ôi! Thiên trường địa cửu hữu thời tận...

Chị Bàn ạ! Cái buổi chiều đó, buổi chiều cách đây đã gần bốn tháng. Mồng tám tháng mười năm Nhâm Ngọ — ôi, buổi chiều ác nghiệt, nhớ đến mà ta đã run mặt đã nhòa. Qua làn nước mắt, tôi có thấy gì ngoài cái hấp hối của người chị khổ sở.

Trời! Trong đời tôi sao lại có phút giây nát ruột tan lòng này.

Mấy đêm trước, bình chị Sáu tôi đã có vẻ lui đi. Tay chơn cử động nhẹ nhàng. Tia ánh sáng chỉ không cho tôi rời một bước. Hai chị em nằm cạnh nhau, kể những truyện xưa, chuyện tháng trước, chuyện năm trước, chuyện ngày thơ và tình đến cả công cuộc làm ăn sinh ngày chị mạnh nữa.

(Xem tiếp trong 14)

ĐANG IN LẦN THỨ 2:

LÀM BÈP GIỎI

Sách giấy hơn 300 trang.
Có thêm nhiều bài mới lạ.
In có hạn, Xìu trả tiền trước.
Không gửi linh hóa giao ngân.

Giá 10\$ cước phí 1\$

Nhà xuất-bản Phụ-Nữ
phát hành. Thư và mandai
để cho:

Bà ĐÀO THỊ MINH
118 Davillier — Hanoi

Lữ-ký

HAI THÁNG Ở GÒ ÓC-EO

HAY LÀ CÂU CHUYỆN ĐI ĐÀO VÀNG

Số 2

của Biệt-lam TRẦN HUY BA

Xếp hai chân lên ghế, chồm-chệ ngồi ăn, người ta khạc nhổ ngay bên chỗ ngồi. Bọn hầu sang hai cánh tay chắt đầy từng vài chục đĩa, nào bánh nướng, nào thịt sườn sào, họ tự do đi lại, rồi có dụng cụ chạm vào ai mà rơi vỡ, họ chẳng cần ngoái nhìn. Mà ta là khách vào hàng, lỡ bị thức ăn đổ vào quần áo, họ cũng không cần xin lỗi, ta vào hàng nên ghế ngồi đã hết, thì cứ việc ghé vào một bàn nào đó, ta sẽ có thức ăn tới liền, nhưng ta chờ bực mình khi thấy tên hầu sáng, mình trần như nhộng chỉ một cái quần tui hở rốn, miệng quát thật to, « ăn gì đó ? » Nếu ta không cứng họng vía, thì có lẽ đã giật nảy mình mà ngã ngựa ra.

Khi đương ăn, ta sẽ thấy một người lạ mặt, tay cắp quyển sách, mắt đeo đôi kính trắng, từ từ ngồi vào bên cạnh, có ấm nước rót một chén đầy, uống xong, sẽ nhìn vào mặt ta mà nói mấy câu như vậy : « Lương công có vẻ khả quan, thượng đình to rộng... » Dù ta chẳng bằng lòng mà mời hẳn đi, nhưng bản cũng cứ ngồi lì, làm cho ta phải bực mình là đã khác nữa. Nếu muốn cho rành chuyện, ta cứ đãi hẳn một cốc, thế là ta sẽ được trọn một bữa ăn ngon !

Khi ta ăn xong đứng dậy, tức thì một tên hầu-sáng vội-rang với cái khăn lau đầy mỡ mang hơi

ấm, đưa lên trên mặt bàn một cái, từ bên nọ tới bên kia. Nếu ta không mau tránh, thì có lẽ những cục xương thừa và giọt nước mắt rơi trên bàn sẽ chẳng từ bỏ cái bộ quần-áo của ta đâu. Khi ra chỗ trả tiền ta phải điếc tai, với những tiếng gào hét ồn ào. Nếu ta ăn mà số tiền chưa đủ mua một cốc, còn lẽ mấy su, thì đây, thuốc lá tễ vào, tiền bạc than hồng đỏ đỏ, ta có thể châm lửa mà hút phì-phào !

Rồi ta ra phố, hai tai ta phải điếc vì những tiếng thanh la náo-bạt và kèn sáo lâu ở các rạp-lâu, với tiếng lách cách của con bài đặt chược, suốt ngổ ngỗ phố kia. Đi dạo mà xem, chỗ nào cũng chỉ thấy những ăn-càng uống, mà ăn uống cho đến sáng vẫn chưa hết người. Ôi, trông họ ăn mà mình phải ngấy... !

Dạo chơi các phố, người như nôm cõi. Từ chỗ này ra chỗ khác, họ đi tìm thú tiêu khiển; hoặc vào « Đại thế giới » ném tiền, đánh cờ quay (đều là các trò chơi cờ bạc) hoặc đến các đại-hội họp nhau đánh bạc-chược : tiếng lách cách làm cho nhức óc, chói tai; hoặc đi xem tuồng tàu ở các rạp, nhưng đó chỉ những đàn bà con gái chiếm đa số.

Trong rạp hát của người Tàu, những bức phông-cảnh họ vẽ rất là lòe loẹt, màu nọ chọi màu kia,

làm cho chói lóa cả mắt. Chúng quanh tường, họ treo các tấm nghi-môn của các giới công thương tặng họ, đại loại : « Văn-thao võ-lược, thao-lược sắc-năng, v. v. » Chữ nào cũng toàn là chữ tán thưởng các tài-tử trong rạp hát ấy. Khi màn mở ra, ta phải giật mình về cách phục-sức của các vai trò, thực là rực-rỡ, tuồng mỗi bộ y-phục ấy, đáng giá phải mấy ngàn đồng. Họ hát với giọng rất cao, nhưng vẫn ăn díp với kèn sáo và nhị, nghe hùng hồn mà êm dịu lắm. Đáng phân-nân nhất là : lễ khi có một vai trò nào ra có vẻ ngộ nghĩnh, thế là các hàng ghế của các khán-giả đều đứng cả lên, che lấp hết những hàng ghế dưới, có khi lễ còn ngồi cả lên vách ghế để xem cho thỏa nữa. Họ ăn hạt dưa, phun dầy vào kẻ khác. Họ hút thuốc lá luôn mồm, dù đã có các biển đề « Cấm hút thuốc lá ». Thực là đặc vẻ tuồng tàu cả từ sắc khêu đến các ghế ngồi xem. Nó đều ăn nhau một dịp.

Buổi sớm mai

Đi quanh ngoài phố, hồ cử mục là trông thấy các tấm bảng treo, dài lê thê từ tầng gác thượng đến gần đất, những chữ Hán chỉ-chỉ tự trên chỉ dưới, với nét bút thực già : hoặc chữ trắng nền đỏ, hoặc chữ đen nền trắng, ít ra mỗi cửa hiệu cũng đến năm bảy chiếc, ở bên phố này ta thấy tấm biển

đều « Đại-Ái-lữ-diêm », thì bên phố kia, « Tân-Hoa-tửu-lầu »; trước mặt có « Nhật-dạ-công-yên-khai-dưỡng », sau lưng lại « Triều-tịch-tửu-thái-thường-hiệu ». Thực là rối mắt về chữ nghĩa. Với những bèn gạch trắng đen như thế có lẽ làm át lốt các đồ hàng hóa bày ở bên trong.

Nếu lại tới một nhà hội-quán nọ cửa các hàng bang người Tàu, ta sẽ thấy quy-mô kiến trúc thực là kiên-cố mà huy-hoàng: những màu triện đồ-sộ nằm trên nóc đình, với những con rồng bằng sứ xanh, vàng, tím, đỏ, những bộ bát-tiền khéo léo, những khung bằng bằng sứ đắp vẽ công phu; kia hàng ngói ống với rầy đường sỏi, coi rất lắt-léo uyên-chuẩn; lại những tấm cửa kính bằng gỗ lồng khung, theo các lối triện gấm của tàu xếp lại: ô xanh ô vàng, trông rực-rỡ mà nguy nga. Ở bên trong đình, đồ thờ bày biện, toàn những đồ quý-báu đồ-sộ của các phú-thương tiến-cúng: những bức hoành-phí chạm trổ lắt-léo, những câu đối dài lê-thê, lại những vòng hương đường kính rộng hàng ba bốn thước, treo từ trên nóc đình thả xuống đến ngang đầu, lửa đốt hàng tháng không cháy hết. Mà có phải ít đâu, có đến năm bảy chục vòng, đều cháy cả, làm cho khách dư phải ngạt ngạt vì khói hương.

Ở ngoài sân hội-quán, người ta đã lập thành một cái sân đá cầu, mỗi ngày sớm chiều các thanh-niên Hoa-khẩu, họ lại tập dợt thể-thao, đông như chợ họp. Bây giờ lại thử đi qua ra bờ sông gần đây, ta sẽ thấy cả h náo

nhật của các ghe thuyền. Trên bờ thì xe điện chạy, dưới sông thì tàu thủy và ghe thuyền san sát như lá tre, hàng nghìn vạn cái. Kể khuôn người và những bôm, những bao to sù nặng trĩu. Với những bắp thịt nở nang, bọn phu tàu khuôn vác trật cả h nhanh nhẹn nhẹ nhàng, mà vui vẻ nữa. Kia, những chính nước mầu xếp cao ngấn-ngát như cái núi con; họ giành cá khô bày ra hàng dãy. Những quả dưa đỏ vỏ xanh đen, xếp lên hàng đồng, nũ g rờ rau rờ đậu xếp ra từ g còi g... Nói tóm lại sự hoạt động ở bên tàu này nó đã làm ta nghĩ đến cuộc sinh-hoạt của một thành-phố lớn, mọi ngày tiêu sai áo phà kẻ biết chừng nào.... Ấy Chợ Lớn nó đã làm tôi phải nhắc nhớ đến hoài, dù tôi đã từ gĩa nó ở nơi khác....

(Còn nữa)

Biệt lam TRẦN-HUY-BA

Tin buồn trong làng văn

Chúng tôi vừa được tin ông Phụng Sơn Nguyễn thiện Chính tri huyện Thanh miện (Hà'dương) vừa tạ thế tại huyện lỵ.

Ông xuất thân là cử nhân tú tài về cựu học, lại là một vị phụ mẫu lêm chính và cương trực đã từng để lại nhiều cảm tình đáng ghi nhớ tại các hạt ông cai trị như Văn Lâm, Thụy Anh v. v...

Ngài ra ông còn là một nhà văn không những có tài về văn học mà về quốc văn ông cũng đã trước tác được vài văn phẩm có giá trị như: *Nhân quả tào thuyết* - *Uyên hải tử bình* và nhiều thi phẩm đã từng đăng ở các báo.

Trong dịp buồn đau này chúng tôi xin trân trọng kính viếng thăm linh ông và chia buồn cùng tang quyến.

NHẬT NHAM

Trịnh như Tấu

Đã in xong:

TIẾNG VỌNG SÔNG NGÂN

Thi-phẩm của NGÂN GIANG

A. — LOẠI ĐẶC BIỆT:

1) 5 bản trên giấy Bạch-Tuyết (riêng

loại sách này có ảnh tác-giả)

Giá: 100 \$ 00

2) 25 bản trên giấy lụa Tây-Hồ

— 40 \$ 00

B. — LOẠI QUÝ:

In trên giấy lụa Trĩ-La

Giá: 12 \$ 00

Hai loại sách này đều có 2 tranh minh-họa của

họa sĩ TRỊNH-VÂN Bìa do họa-sĩ Trịnh-Vân

bề bản đá và trông coi việc ấn loát

Không gửi t. eo lĩnh-bỏ giao-ngân. Mua lẻ, thêm 1 \$ 00 cước

Đại lý trừ 25%. — Thư, Ngân phiếu gửi về

Bà DỖ THỊ QUẾ 44, Hàng Bông HÀ NỘI.

. một con chim con

(Tiếp theo trang 11)

Một buổi sáng nghe Chim kêu riu riu ngoài vườn chị bảo tôi ghé lại lại vui cười nói :

— Chim kêu vui quá, em à! Nghe chim kêu mà chị nhớ mùa Thanh minh trên má ông Nội quá chừng. A! sau này, nhớ đưa chị về thăm cõi Dạ nội nhé!

Tôi gật đi và nói :

— Chị đừng nghĩ nhảm thế. Chim kêu ở vườn nhà, mới vui, chứ lên má ông Nội mà cô vui gì, chị nhớ làm chi? Chị uống thuốc ít lâu thì sẽ mạnh mà ở lại với cha với mẹ chứ!

Chị Sáu tôi cười và vui vẻ uống những miếng thuốc rồi đỡ chén, và cũng vui vẻ nuốt một hai miếng cháo lỏng. Không như mấy hôm trước, chị cực kỳ tuyệt không chịu uống thuốc và cũng không muốn nuốt gì khác hơn là nước lã.

Mấy hôm nay chị ngoan ngoãn và đỡ bảo. Cha tôi thấy thế cũng đỡ lo nhều; buổi cơm, ông đã nuốt được vài miếng; và đêm, ông cũng yên tâm thả nhắm mắt và tiếng động ỹ.

Không ngờ thế này của người bệnh và thấy chị thuốc và chịu ăn, như thế thì ai cũng nghĩ là bệnh đã lại.

Ồ! Sức tàn xương lại như ngọn bão bùng lên khi sắp đổ, tay đỡ là nhờ công hiệu của mấy thang thuốc hồi sinh cấp cứu trong những cơn một cái lên cách mấy hôm trước.

Trời ơi! Đó là bệnh đối người! Tay là số mệnh gạt người!

Cả nhà chúng tôi đã tin tưởng vui vẻ đón mừng cái ánh vàng đẹp đẽ của làn nắng quái chiều hôm mà « không đề » đó, chỉ Dân ạ!

Thưa ôi! còn gì đẹp bằng ánh nắng mai chiều của vầng mặt trời hơi thóp rúc lại chút hơi tàn rực rỡ phút giây cho nhân gian đó!

Đúng đấy, Dân ạ! ánh nắng kia trải loáng gương hồ, rải vàng trên thềm cỏ, nhấp nhánh trên ngọn cây, đầu núi, mãi nhin vẻ tươi đẹp hấp bênh kia. người ta đã quên ngủ đến đêm tối đến đang chực sẵn.

Hai hôm sau này, chị Sáu tôi không nói nữa, nằm yên lặng, thỉnh thoảng như thiếp đi, muốn gì thì chị thì-thào trong miệng, không vui cười, không bắt tôi ở bên bên nữa. Vẫn uống nước cháo và thuốc. Thấy chị nằm yên không vật vã, thì cũng dễ yên cho chị nghĩ. Đoán rằng mấy hôm trước vì bệnh hành không ngủ được; giờ thì cơn bệnh dịu đi, nên chị mới ngủ nhều như vậy.

Chị Dân ạ! chính trưa cái hôm mong lắm đó, tôi cầm thang thuốc sắp sửa đem sắc, thì một quả nện ngã mình chộp thiếp đi. Đã ngót tuần, tôi vẫn túc trực bên giường bệnh, miếng cháo trên thuốc đều tự tay tôi làm lấy, đêm cũng như ngày. Người tôi mệt mỏi, nhưng vẫn tinh táo.

Thế mà, trưa hôm ấy, ngủ thiếp đi một lúc. Tôi mơ thấy đang đứng ở bờ sông. Nước chảy như cái một cơn thuyền, không phải một cơn thuyền, là một cái thùng to rửa mền Nam Trung kỳ, tôi đã từng thấy người ta vẫn ngồi trong thùng bơi đi dọc bờ bên.

Tôi thấy có người ngồi trong chiếc thùng đó. Nước trôi bằng phẳng, cái thuyền tròn xoay mau theo dòng nước cuộn từ mạn Đông hồ trôi thẳng ra biển. Tôi nhìn theo mà lòng thấy hơi hộp quá chừng.

Chắc thuyền đó trôi gập ra cửa bể. Vừa đến mũi Thủ của hòn Kim-đá thì một cơn nước xoáy, thuyền đắm.

Vừa lúc đó, có người, lay tôi dậy.

Giác mơ ban trưa đã thoáng

đã rõ ràng rất rõ ràng, chớp khi tôi ngủ, lại lơ mơ diễn lại trong trí tôi, khi tôi ngồi bên siêu thuốc đang sôi trên lò.

Nước thuốc cạn rất mau, trên bếp lửa riu riu. Tôi mang vào đồ cho chị mấy muỗng thuốc. Chị tôi vẫn nhấp nước thuốc một cách ngon lành. Tôi bảo :

— Em lại đi nấu miếng cháo cho chị nhé!

Chị tôi gật nhẹ.

Tuế rồi, trong lúc tôi đang loay quay với nồi cháo còn thì một người anh tôi hốt hoảng chạy gọi tôi.

Hai mắt chị Sáu tôi đã có vẻ khác. Thấm lại mạch tay thì đã nhỏ như sợi chỉ lặn lặn lặn lặn như tuyết lặn.

Tôi kinh hoàng nhin hơi thở đưa lên rất nhẹ của người bệnh. Bấy giờ thang thuốc hồi sinh không kịp nữa. Nồi huyết hồi dương đã đốt được mấy lần ngai cứu. Trời ơi! Y học đông tây đã có một lần nào cứu được với Tử thần không? Đã có một lần nào trả hơi thở lại cho người hấp hối hay không nhỉ?

Ồ! Ngọn đèn sắp tắt, thêm dầu vào thì lửa lại bùng lên — Sinh mệnh sắp tuyệt rồi, ai có phép chữa nổi được một chút hơi sinh sống.

Chị Sáu tôi, lúc bấy giờ, hơi thở tuy đã gần tàn nhưng nét mặt vẫn bình tĩnh thản nhiên như một người đang cấp cứu cho mình, chị hãy còn đưa mắt nhìn chĩa tôi run rẩy bước vào.

Nhìn nét đau đớn lo sợ trên mặt già nua của cha già — Chị tôi như cảm động lắm — Chị từ từ đưa cánh tay, đã thôi cử động, nặng nề và chắc chắn chấp vô công, chị đã dùng hết tàn lực để níu cánh tay đưa ngang mặt. Làn nước trong khuôn mặt từ từ trải ra, gom thành một giọt lệ trứa ngưng đọng lại ở dưới con mắt...

Chị tôi nghĩ.

Trời ơi! Giọt nước mắt! Giọt nước mắt vĩnh biệt cha già để mà đi qua cõi đời khác.

Trời ơi! Cái chết nhanh chóng ác nghiệt không để cào cào cánh tay kia gạt kịp giọt lệ này. Người chết đã mang theo xuống tuyền đài một giọt nước mắt hận cướp công cha mẹ suốt đời khôn tan.

Bản ơi! Lần thứ nhất, bạn chị chứng kiến một phút giây hấp hối. Lại là cái phút giây hấp hối của người chị trẻ còn yêu sống muốn vào, còn chân chưa tỉnh thương cha mẹ chị em, còn yêu đời tha thiết mà phải dứt áo ra đi.

Trời ơi! Người đi đã không để lại người ở làm sao cho người được. Giọt nước mắt bất tử ở khúc mắt vô tri kia nó có phải là giọt nước mắt nữa đâu.

Trời ơi! Chị Sáu ơi! Nó là một khối lửa, một giọt máu, một hòn ngọc sáng trong của chị, giờ lại cho em đó!

Tôi đã đứt ruột vì khúc chị, còn phải đứt ruột thêm một từng nữa khi nhìn hai mái đầu bạc khốc con. Tôi tưởng tôi không còn đủ hơi sức mà chị đứng nói thắm thiết nữa đâu. Bản ơi!

Bản ơi! Một lần nữa chị, tan lòng nát ruột là bao nhiêu rồi? Thế mà nỗi lệ chưa rơi, niềm đau chưa đỡ, thì sáu mươi sáu ngày sắc lại là ngày mất cha nữa.

Trời mây tang tóc đã nhuộm cả không gian và thời gian, bắt đầu từ đây, Bản ơi!

Ôi! Bơ vơ khôn khổ thay cho kẻ làm con và làm em này! Mất cha, mất chị, trong khoảng không quá ba tháng trời.

Chả tôi mất, sau khi một cơn bệnh mười hai ngày, dùng y

Thông - chế Pétain đã nói :

Hỡi quốc dân Pháp, các người hãy làm bêu lộ tình thần của giống nòi bằng lời, nói, cử chỉ, cả làm việc tài sáng kiến và chí phách mình.

khoảng ngày gì mà ngày 1 đưa chị Sáu tôi từ nhà tôi về nhà cho đến ngày chết.

Của tôi rất thân như em tôi mà của chị Sáu tôi rất thân như em tôi. Tôi tưởng tôi không còn đủ hơi sức mà chị đứng nói thắm thiết nữa đâu. Bản ơi!

Đang hoàng trọng lễ phục, nét mặt tươi tỉnh với mái tóc sương với chòm râu tuyết.

Một người già từ trẻ một cách ung dung, giữ được vẻ đạo mạo của người đời lão, năm bước xuôi hai tay áo rộng, mắt nhắm khi đi, những sợi lông dài của cặp chonmây bạc, môi ngậm kín, hai hàm răng nguyên vẹn vẫn giữ nét cười của ngày trẻ.

Đang Cao dày đã ban cho cha tôi một cái hết đẹp lẽ như thế nhưng bây giờ còn lại là một nét hạn «tre khô» măng tre vung trán rộng đó.

Trời ơi! Nỗi n. tình cả tang óc trong gia đình mà cứ được cho trẻ khốc giả theo lẽ tự nhiên thì đã cất được nỗi hận muốn đời cho những người bla suối!

Chị Sáu tôi mất đi cha tôi thương khóc không cùng. Những lúc canh vắng đêm trường vẫn nghe tiếng cha già rồi rồi Tự tay săn sóc Bẩm Dương lộ nước. Ông

đã sẵn sàng chiếu hàn thờ con-con kia như đã nâng niu các con hồi ngày còn thơ ấu.

Nhân đó mà kèm ăn kèm ngủ và yếu dần đi. Chị Bản ơi! Tôi đã nhiều lần, nâng giải khăn số thắm ướt lệ nhà, mà oằn hơn số mệnh. Những lúc đau thương thế thắm, tôi nghĩ thơ mà nghĩ rằng! Nếu trời không bắt tôi mất chị thì chẳng đâu thắm chết đã cướp nỗi của giải! Ô! Một mái tóc xanh rơi rụng! Ô! Một làn tóc bạc vương theo!

Trong các con, của tôi vẫn có ý men riêng chị Sáu tôi hơn. Đó không phải là lòng bất công mà là vì chị Sáu tôi vẫn quần quật với ông-nhều hơn. Ngại các anh các chị đã bỏ gia đình riêng, còn lại dơ gối có hai chúng tôi. Nhà với không dơ đã chị đã bỏ hững với tuổi trẻ mà việc nhà gánh vác nó mình lo. Đối với cha mẹ thì trân cam hôm sớm, đối với em thì dỗ dành ngày tháng thanh nhàn bút nghiên mỗi miết.

Chị vốn đã không được học, nên vẫn mong có được một cô em gái là để chị không đến nỗi hổ với quyền sách câu thơ.

Thay đổi cái cô em nhỏ bản tính vốn ngây ngô, cho nên đã làm được tình yêu thương mong mỏi đó mà tôi em mà tuổi nguyệt. Trớ trêu! Tôi đã làm được gì để khỏi phụ lòng kỳ vọng của người phụ quí! Họp với hành chữ vợ nghĩa nào đã có ra gì?

Dưới đèn mờ quỳ gối, lệ châu là chắt nhớ người xưa. Bản ơi!

Tôi còn nhớ rõ một buổi tối, vào khoảng hai mươi hai về trước, cha tôi đã là một kẻ bàng dề cho chị Sáu tôi lập viết chị và

không có học nhà trường, cho nên mới bắt đầu tập chữ. Nó chỉ tôi viết được trước nhất là câu ca dao.

*Vai mang bức tượng Di-Đà,
Hầu trung ta giữ gian tà
mặc ai.*

Có tập viết một chữ ân cần, đề mà có cái nét chữ ran ran gọn gàng sạch sẽ mà chép những bài thơ tôi là hay và những chuyện tôi cho là thú.

Chỉ đã thuộc thơ nhiều cũng như chỉ đã chép thơ. Và thú vị nhất là chỉ Sáu tôi cũng đã từng làm thơ nữa, chỉ Bàn ạ!

Nó có một bạn, tôi cũng một đoàn bè bạn vượt biển. Gặp cơn bặt gió, quá hạn mà chưa thấy trở về, thế là chỉ tôi lo sợ cuống cuống lên. Trong hai ba ngày mong đợi, chỉ đã gọi niềm-lo sợ bằng những câu chữ có vần. Lợi tuy có ngây ngô mà ý thực là tha thiết.

Và chỉ Bàn! chỉ có từng nghe nước ta có một xứ « quế » hay không nhỉ? Cái giẻ đất có qua sông Hương và ngàn thông núi Ngự đó là xứ « quế » của chỉ Sáu tôi đó, Bàn ạ!

Ngày năm trước, cuộc Bắc du cùng với gia huynh, chúng tôi đang dừng ở Huế. Hôm ấy tôi nhận được một phong thư của chỉ Sáu tôi gửi và Liệu Văn Hòa.

Tôi nhớ không có lần nào đọc thư nhà thú vị bằng bữa ấy. Chúng tôi đã bỏ lặn ra mà cười vì câu chuyện chỉ mạch trong thư. Có bà cô đã hỏi, hoảng mà bảo với chỉ rằng:

— « Tao nghe nói con Bảy nó đã đi tới Quế rồi! Phải không? »

« Đ' tới Quế » vẫn là câu nói cò của người Nam Trung đề mà ngỏ ý đi tới Tràng an, chỗ xa với lắm của ngày xưa!

Đang ở bên bờ sông Hương, nghe nhắc lại cái câu cò xưa mộc mạc đó mà buồn cười. Càng thú vị hơn nữa là cái chữ « Quế » lạ lùng kia!

Ấy nhớ những chuyện vợ - vắn con-con trong đời bút giấy của người chỉ thật thà yêu thương kia mà lòng thỏa thuê vô cùng.

Hai năm về trước, gian buồn tôi đang ngồi viết cho Bàn đây, đầu có trống trải thế lương và vắng vẻ đến thế này.

Trời ơi! Tim đầu cặp mắt sáng tràn li-vọng vẫn đưa theo ngòi bút mà đón chờ những chữ vừa chảy uớt ra trên trang giấy trắng.

Đêm nay, ngoài trời lạnh lắm, vì những giọt mưa cuối thu. Lòng tôi cũng lạnh lắm vì những giọt nước mắt tưởng rằng đã cuối mùa tang, nhưng mà hãy còn dang dở như mới vừa mất chỉ. Lòng trống trải như gian buồn trống trải... Bàn ơi!

Ôi! Sao tôi lại viết cho chỉ Bàn lúc thư nước mắt này! Nửa đời xuôi ngược, gặp nhau chưa đem được một nét cười tặng bạn, gọi làm chỉ những niềm đau khổ của ngày qua.

Nhưng mà Bàn ơi! Vô được khả y trường dạ hận! những đêm sâu khổ như những đêm nay, muốn thiết tha nghĩ đến chỉ cho lòng đỡ bơ vơ cô quạnh.

Trước kia, tôi vẫn có một người bạn nước mắt đầy chữ! Nay người bạn kia cũng xa vắng rồi.

À! Chỉ đã biết ít nhiều về người bạn gái phượng Bả của tôi, còn người bạn miền Trung này thì tôi chưa từng kể cho chỉ biết đó nhỉ!

Than ôi! người bạn Cửa Phố của tôi, chỉ Hồng Hạnh đã cảm kia đã

từng nhiều phen lau lệ cho tôi đó! Xa nhau nhớ tiếc ngày xum họp

Mà lúc gần nhau lại hững hờ!

Chiều nay tôi đã nhớ đến chỉ Hạnh rất nhiều, trong khi đọc bài thơ « Mười năm tình nghĩa » của nhà thi sĩ họ Lưu khóc bạn trăm năm.

Chỉ Thanh Thủy là người hạn quê hương của chỉ Hạnh lại là người hạn đồng hành với tôi trong một chuyến xe lửa về Thanh. Bèo nước nên quen một chuyến tàu.

Nếu lúc này chỉ Hạnh vẫn còn ở bên bờ hồ Đông thì có lẽ chúng tôi cũng đã khóc với nhau bằng những câu thơ cảm động lắm lý của thi sĩ.

Than ôi! Giọt lệ gia đình tràn đẫm gối, còn đa mạng chỉ những giọt lệ khóc bạn gần xa.

Tại làm sao mà tôi chỉ ứng lại những giọt nước mắt trong văn chương. Phải, chỉ có những giọt lệ trong văn chương là đẹp mà thôi, chỉ Bàn ạ!

Mực đậm, canh tàn, tôi còn viết thêm gì cho Bàn nữa?

Bách-thảo-Sương tiểu muội

Viết những đêm cuối mùa
mưa năm Giáp thìn

Cải chính

Số 163 bài Quan niệm đẹp của Trịnh Văn:

— De la croix xin viết Delacroix (trang 10 cột nhất)

— Trang 10 cột 2 dòng 16 xin đọc là: « Un moi qui ne change pas ne dure pas » (cái của tôi không thay đổi thì không bao giờ bền bỉ được)

— Dòng 29: C'est le bien xin đọc là et le bien;

là cái hay xin đọc là và cái hay
— Cột 3 dòng 27 xin ba chữ những.

Tài-liệu để định-chính những bài văn cổ

(Tiếp theo trang 9)

nghĩa có ơn. Còn về việc sau thế nào, thì tôi không rõ. Kim-Trọng hỏi: « Đại vương ấy tên gọi là gì? » Đỗ-lai nói: « Việc này xin hỏi Thúc-sinh-viên, anh ta hiện ở làng mở cửa hàng bán gấm vóc, xin Quan lớn cho gọi đến rồi, sẽ biết rõ ràng. » Kim-Trọng liền lấy một cái danh-thiệp sai lính đưa đến cửa hàng bán gấm, mời Thúc-sinh. Thúc-sinh thấy mời mà lễ-phượng đến ra mắt Kim-Trọng. Kim-Trọng mời vào nhà riêng: hai người chào hỏi xong, đều ngồi xuống. Kim-Trọng nói rằng: « Vương Thủy-Kiều với tôi là con cô con cậu, vì nạn cha bị người ta lừa, nay tôi đã hỏi rõ được nguyên ủy, nhưng không hiểu hẳn theo vị đại vương nào? Người ở đâu? Họ tên gì? Nghe quý-huynh biết rõ căn-do, nên mới đến hỏi. » Thúc-sinh đáp: « Tiểu-sinh chính vì cái lụy vợ cả, cho nên mới sinh chuyện như thế. Khi tôi đến đình quan, phải chờ đợi lâu, thừa nhận lỗi nọ tên quan, họ đáp rằng: Chủ này hẳn tên Hải họ Từ, tên tự là Minh-sơn, là người Việt-dông, là kẻ kiêu-văn võ, sức chồm ba quân, là kẻ quốc-sắc thiên-tài, hai bên gặp nhau, ý hợp tâm đầu. Từ-Hải bỏ ra thực-thân cho lệnh-muội, về ở một chỗ. Cách biệt ba năm, thành một đảng giặc to, quân hơn mười vạn, cho người đến đón lệnh-muội làm phu-nhân, đại-binh đi đến đâu được đấy, lúc ấy quân đóng ở Mân-Tiệt, nghe được phủ chiếu hàng mai không được, vì có lời khuyên của phu-nhân, ước thúc ba quân,

ĐỌC SÁCH

VIẾT BÁO

Cuốn « Viết báo », là tập kỷ-ức của các nhà văn Tam-lang, Phạm Cao-Củng, Hoàng-Giữ và Phùng-bảo-Thạch thuật lại những mẫu đời « viết báo », những bước vinh nhục của nghề.

Đọc « Viết báo », chúng ta sẽ nhận thấy cái nghề « viết » ở xứ này không được sung-sướng gì cho lắm mà ngược lại, chỉ là một người thờ một lý tưởng.

Ông Phùng-bảo-Thạch viết:

« Viết, chẳng những để báo đáp đời mà còn là giải thoát cho mình nữa. » (trang 155).

Thật thế, các bạn làm văn sẽ thấy lòng mình « giải thoát » được ít nhiều mỗi khi được rỗi ít tâm sự trên trang giấy trắng và có lúc được bất-lòng là tư tưởng mình — dù còn non nớt — được người đọc mình lưu ý, ở đời có một tri-âm đã quý mà nều tri-âm thì quý biết chừng nào!

Ở các nước, nghề viết văn, viết báo rất cao quý, người cầm bút sống cái đời vinh quang, bao nhiêu

không dám phụ nữ, không giết già trẻ, không đốt nhà dân, không đảo mã cũ, một vùng đông-nam đều nhờ ơn vương-pu-nhân. Còn ngoài ra thế nào không rõ. Kim-Trọng nghe xong, thở đã một tiếng, đưa Thúc-sinh về nhà, rồi nói với cha vợ mẹ vợ em vợ, kể rõ một lượt; nói một câu như đao cắt ruột, ai nghe kể lại cũng động lòng thương, nhưng vì ở chỗ công-đường không dám khóc to, chỉ nước mắt khóc không ra tiếng.

Ứng-hoàng NGUYEN-VĂN-TỐ

thời ở xứ này nó « bạc bẽo » lắm sao, mặc dầu thuế-phần đông đã bớt theo nghề, vào nghề vẫn hết sức trung thành với nghề.

Dù sao, một cơ-quan ngôn luận không ruộm một màu sắc nào cũng là một ngọn đèn sáng giữa lúc đêm tối, chỉ cần người cầm đèn ấy biết đợi nó bằng một cách khôn khéo cao kiêu tất, khổ mòi, nhưng trước những cơn gió tập, mưa xối, ngọn đèn ấy có cùng với mặt nguyệt tranh sáng không hay bị bị thời gian hay thế gian làm tắt hẳn, cái đó là bí-quyết của người cầm bút « viết báo ».

Cuốn « Viết báo » này sẽ giúp ích cho ai muốn biết tâm sự nhà văn nhà báo và khảo về lịch-trình tiến hóa của báo-chí xứ này tuy chỉ là bầu tâm sự của mấy bạn trung nghĩa, nhưng lại là những bài học rất hay, những kinh nghiệm rất chắc chắn cho những người muốn nhập lịch-lãng báo, nó lại còn là phần ảnh hưởng thành tích về vàng của mấy tờ báo xưa kia từng khuấy khuấy, rống rống trên văn-lân.

Đọc hết « Viết báo » tôi rõ cảm tưởng như thấy các bạn đồng nghề rất lớn với nghề, hi sinh cho nghề mà nghề « bạc bẽo » đã bạc đãi các bạn vì nó không nuôi sống những người đã thành tâm thờ phụng nó.

Hỡi các bạn làng văn, làng báo! Không phải vì chúng ta theo một nghề « bạc bẽo » mà vội nản lòng, chúng ta nên sống, vui lòng, cần, cần viết cho vững đứng, để cho ai day chuyển lòng ta, như chuộc thân ta như người ta đã mua những thực-phẩm hàng ngày: con cá, lá rau, ở ngoài chợ vậy.

T. S.

SINH VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 103

OAS TÂN HANG-KO NGUYỄN-VAN-TO

Khoa giáp-tuất (1514) là năm thứ sáu hiệu Hồng-tau-an đời Lê Tương-Dực, là bốn mươi ba ông đồ tiến-sĩ Ba ông đồ nhất giáp kê tên sau đây:

1. — Nguyễn-Đức-Lượng, người xã Canh-hoạch, huyện Thanh-uai, phủ Ứng-thiên trấn Sơn-nam. Năm năm mươi tuổi đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cấp-đệ đệ nhất danh (Trạng-Nguyên) khoa giáp-tuất (1514). Nguyễn tên là Hổ, chính tay vua Lê Tương-Dực viết đổi là Đức-Lượng. Ứng chế tộp cách. Có phong mệnh đi sứ Tào. Làm quan đến Lễ bộ tả-tri-ang, lúc mất được truy tặng thượng thư. Là con Nguyễn Bá-Kỷ (nguyên quán ở xã Xuân-nội, huyện Chương-lộc, đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ khoa Mậu-thìn 1448, có tiếng văn-lộ, được vua yêu dùng, làm quan đến văn-minh-điện đại-học sĩ). Sinh ra Nguyễn-khuông-Lệ (đỗ công-tiến sĩ khoaất-vi 1535). Là con Nguyễn-Thuyền (đỗ trạng-nguyên khoa nhâm-thìn 1532).

Tương-truyền (Nguyễn-Bá-Kỷ) mời thầy phong-thủy tìm đất được một huyệt ở làng Cao-xá. Gần đến ngày đem tài-cổ, nên nhân đến táng, thì gặp Nguyễn-đoãn-Đệ (đỗ thám-hoà khoa tân-sửu 1481), quê ở Kiều-duong, ngụ ở làng Canh-hoạch) có người con trai mắc bệnh lại (một thầy bệnh phong), làm cái lễ để đống bệnh chính trên giữa huyệt. Nguyễn-Hổ tức Đức-Lượng, muốn lấy uế-

lực đuổi không được, nên dặt tiền cũng không được; công-tử bệnh-lại bảo Nguyễn-Hổ rằng: « Nghe nhà người có cô em gái chưa chồng, so với nhà tôi cũng là môn đăng hộ đối, xin nhà người đem cát nhân đôi cát địa thì được ». Nguyễn-Hổ đem câu chuyện nói với mẹ, để mẹ nói lại cho em gái biết. Người em gái nói rằng: « nếu chỗ đất ấy yên được hai-cốt tiền-nhân và thành danh-mệnh cho anh, để kế lấy nghiệp của cha, thì em đâu dám tiếc ». Rồi bằng lòng cho bên kia kết hôn. Không ngờ sau khi say rượu, công-tử bệnh-lại ngỏ phòng, lăn xuống đất chết ngay. Người em gái chạy về báo, Nguyễn-Hổ thất kinh nói rằng: « Phúc-địa chưa được, mà đã bị chuyena giết người lỗi này, đồ cho ai, nên về bên nhà chồng, mà nói khó với họ, may ra mới khỏi tội ». Hôm sau, người em gái đi về báo cho họ hàng nhà chồng ở Kiều-duong, Khi họ hàng đến nơi, thì mới đã dunn thành năm. Nguyễn-Hổ thao rằng: « May thay công-tử bệnh-lại, phúc thay công-tử bệnh-lại, đã được người tốt mà đất-ốt cũng không mất! ». Thầy địa lý nói rằng: « Em gái ông có mạng rồi, sinh ra trạng-nguyên, ông là cậu trạng-nguyên, cũng chẳng hại gì! Nhưng kiểu đất này vương lâm, phú-làng cũng phải trạng-nguyên ». Nguyễn-Hổ y theo lời nói, táng được ba năm, thì đỗ trạng-nguyên, người em

gái sinh ra Nguyễn-Thủy-ấp, sau cũng đỗ trạng-nguyên. Người đời bấy giờ khen là trạng-cậu, trạng-cháu. (Đinh-nguyên-phất-lạc, bản sao của trường Bắc-cổ, số A 1205, tờ 22a,b) chép ra đây như sau: « Thủy-ấp, ông là ông... »

2. — Nguyễn-chiều-Huân người xã An-Khang, huyện Yên-phong, phủ Từ-sơ, trấn kinh-bắc. Đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cấp-đệ đệ nhất danh (bằng-nhôn) khoa giáp-tuất (1514). Được mấy năm thì nhà Lê mất, ông tiếc rằng không kịp ra làm quan, bèn ra theo Mạc. Năm nhâm-dân (1542) hiệu Quảng-hóa nhà Mạc, sung chức phó-sứ sang cống nhà Minh, và vì Mạc-phứ-Hải xin phong, khi đi sứ về, có công được thăng thượng-thư. Là ông nội Nguyễn-khắc-Khoan đỗ đồng-tiến-sĩ khoa mậu-tuất 1599 (Đăng-khoa bị-khảo q. Kinh-bắc, tờ 58b). Đăng-khoa-lực (q. 2, tờ 12a) chép ông sinh ra Nguyễn-khắc-Khoan.

3. — Hoàng-minh-Tá, người xã Hoàng-xá, huyện Cẩm-giang, phủ Thượng-lông, trấn Hải-duong. Đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cấp-đệ đệ nhất danh (thâm-hoà) khoa giáp-tuất (1514). Làm quan đến nam-thư-lệnh (tên là Khôi Mạc-dang-Dang cướp ngôi, ông không chịu theo, vì vậy mới, tất các quan cũng phải theo ông, ông không nầu với Mạc rồi bị chết, về sau trung-hung (1533-1548) chép vào tiết nghĩa (Đăng-khoa bị-khảo q. Hải-duong, tờ 51a). Đăng-khoa-lực (q. 2, tờ 12b) chép ông làm quan đến thừa-chính-sứ.

Đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ xuất-thần được hai mươi ông như sau đây: «... »

OAS TÂN HANG-KO NGUYỄN-VAN-TO

1. — Nguyễn-Vũ, người xã Thiên-mỗ, huyện Từ-liêm, phủ Quốc-oai, trấn Sơn-tây, Nguyễn trước đỗ hương-công (tức cử-nhân bảy giờ) viết chữ tốt, được vào hầu vua Tương-dực học. Đến khi vua Tương-dực khởi nghĩa, ông đi theo, dần dần thăng đến Binh-bộ hữu thừa-lang, rất là sung hạnh. Năm năm mươi tám tuổi, đỗ nhị giáp tiến-sĩ khoa giáp tuất (1514). Lúc ấy vua Thiệu-thành không đỗ vua cho vào danh-dồn rồi cho đỗ đầu chính-bàng (tức nhị giáp). Ông làm đến thăng Binh-bộ thượng-thư, kiêm Bảo-thiên-diện đại-học-sĩ, Hàn-lâm viện học-sĩ, sau làm các kinh-diện. Đến khi Trịnh-dụ-Sân thi ngôi, ông bảo con rằng: «Ấn độc của vua, sẽ chết về nạn của vua, các con chớ theo Trịnh-dụ-Sân dùng dằng, ấy là hiệu của. Hồi kháng-khải của nhà Lê, Trịnh-dụ-Sân giết, năm ấy ông sáu mươi tuổi. (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-tây, tờ 54 b) về việc. Nguyễn-Vũ bị giết. Khâm định Việt-sử (q. 26, tờ 28 a-b) chép như sau đây: «Năm bình-tý (1516), vào khoảng tháng tư, Quốc-Nguyễn quân công là Trịnh-dụ-Sân, giết vua Tương-dực ở Chu-tước-tri (thuộc phường Bích-câu), thừa kế là Nguyễn-Vũ cũng bị giết. + Nguyễn-dụ-Sân thường rêu ruyền ý vua, vua giận, sai lấy thuốc đánh, Sẵn bèn cùng bọn Lê-quảng-Độc, Trích-chí-Sâm mưu viết thư lập ai-sử, sự thuyên bá và khi gặp, họp nhau ở bên đô Thái-cư. (thuộc phường Thái-cư, huyện Thọ-xương) nói rêu ruyền là đi đánh giặc, được đem đem bọn họ nghênh quân. Khi ngô bộ-vệ vào cửa Bắc-thần, đốt lửa cho sáng, vua trông thấy lửa

sáng, tưởng giặc đã đến, lên ra cửa Bảo-khánh, trời thì tối mà cứ đi, chứ không có đèn đuốc gì cả, qua cửa Thái-học đến Chu-tước-tri ở phường Bích-câu gặp Dụ-Sân, hỏi: «Giặc ở đâu?». Sẵn không đáp, ngẩng ra phía khác rồi cười, vua quát ngựa về phía Tây, Sẵn sai vũ-sĩ tên Hạnh (không rõ họ gì) đuổi theo đâm vua ngã, ngựa rồi giết chết. Khâm định Việt-sử (q. 26, tờ 28 a-b) chép như sau đây: «Năm bình-tý (1516), vào khoảng tháng tư, Quốc-Nguyễn quân công là Trịnh-dụ-Sân, giết vua Tương-dực ở Chu-tước-tri (thuộc phường Bích-câu), thừa kế là Nguyễn-Vũ cũng bị giết. + Nguyễn-dụ-Sân thường rêu ruyền ý vua, vua giận, sai lấy thuốc đánh, Sẵn bèn cùng bọn Lê-quảng-Độc, Trích-chí-Sâm mưu viết thư lập ai-sử, sự thuyên bá và khi gặp, họp nhau ở bên đô Thái-cư. (thuộc phường Thái-cư, huyện Thọ-xương) nói rêu ruyền là đi đánh giặc, được đem đem bọn họ nghênh quân. Khi ngô bộ-vệ vào cửa Bắc-thần, đốt lửa cho sáng, vua trông thấy lửa

thi nên vấp thấy ra một vạt mảnh, chứ lẽ nào ta lại theo mày là thằng giặc của nước! » Nói rồi bỏ chạy qua về làng, làm bị thương di các nơi, về tới nhà Mạc, khởi nghĩa binh đánh nhau với Mạc-dang. Dung ở sông Tolien-đức, nhưng lửa được lúc thua không phân hơn kém, ông biết việc không thành, sợ Mạc-dang-Dung làm nhục, bèn uống thuốc độc chết. Sau nhà Lê trung hưng (1533-1548) chép ông vào sổ tiết-nghĩa, phong làm trung-dũng, phủ-thần. Là con Nguyễn-Hào (đỗ tam giáp khoa 1487), gọi Nguyễn-Khiết-Túc (đỗ nhị giáp khoa 1496) hàng hiệu là em Nguyễn-Hy-Tái (đỗ nhị giáp khoa 1511). Anh họ Nguyễn-Hòa-Trung và Nguyễn-Tảo (cũng đỗ tam giáp khoa 1513). Thập là cha con, anh em cũng đỗ đại khoa mà anh em cũng làm quan một triều. Thời bấy giờ nhà được vinh hiển như thế (Đặng khoa bị khảo, q. Ninh-bắc, tờ 35 a-b).

(Còn nữa)

Ứng-Học NGUYỄN-VĂN-TÔ

Giá báo

6 tháng 18, 00

3 tháng 9, 00

Mỗi số 4000

ĐẠI NAM ĐẤT SỬ

33 51

Ung-hoe NGUYỄN-VĂN-TÔ

XXII — Lê Long - Đinh (bài nối)

Năm 1004 Lê Hoàn sai con là Minh-Đề sang nhà Tống. Được hơn một năm thì Lê Hoàn mất (vào tháng hạ năm 1005), các con tranh nhau, thành ra « trong nước có loạn. Minh-Đề không ở được, phải ở lại Giao-châu, tri-tychâu châu Quảng là Cao-Nhật bỏ lễ cấp lương cho gia, nên vua Tống ban chiếu cho riêng năm mươi vạn quan tiền và một trăm năm mươi斛 gạo, lại truyền cho theo lệ cấp lương sử-gia » (Đại-Việt sử ký toàn thư, q. 1, tờ 27 b).

Đến tháng sáu năm bính ngọ 1006, vua Tống nghe nước ta nổi loạn, sai tri-châu châu Quảng là Lăng-Sách cùng với đến bốn nghìn người, sai tri-châu châu Quảng là Tống-Vệ sang kinh lý rồi dẫn về Bọn Lăng-Sách, tập rằng: « Chúng tôi đã đi ở châu Liêm đưa lại hơn một nghìn người, và bọn Hoàng-khánh-Tập ở Giao-chi, bọn ấy nói các con Nam-binh vương (Lê Hoàn) đều chia ra bỏ đảng lập thành trại sách, các hèn-thuộc mỗi người mỗi nơi nhân-dân lo sợ, xin đem quân sang dẹp, bọn Tập tính-nguyện làm tiên phong, có thể lấy ngay được (?). Nếu triều đình chưa y lời thỉnh cầu, xin cho lấy các quân đồn ở các châu thuộc Quảng-nam (tức là tỉnh Quảng-đông bây giờ-xem Khâm-dịnh Việt sử, q. 1, tờ 42 a), và thêm năm nghìn lính tốt ở Kinh Hồ, quân thủy quân lục đều tiến, thì dẹp yên ngay ».

Vua Tống nói rằng: « Họ Lê

thường sai con sang châu, Hối-giả bề ở yên ổn, không mất lòng trung-thuận; nay nghe nhà Tống, vương mất, chưa có lễ điếu, vội đánh người trong khu vực, đứng vương giả không làm công việc như thế. Rồi ban chiếu cho bọn Lăng-Sách, phải theo như cũ mà về yên-ủi để cho cõi đất ấy được yên-tĩnh. Lại sai Thiệu-Vệ đem hư phử-du cho rõ uy đức của triều đình, không được tàn hại nhà, trông chỗ cất-như; nếu lâu không định được ngôi, mà đề-bên thiên-triều phải động binh, thì họ Lê sẽ không còn di-chủng ». Lê Long - Đinh sợ sai em sang cống ». (Đại-Việt sử ký toàn-thư, q. 1, tờ 27 b và 28 a).

Cũng trong năm ấy (1006) vua Tống lại sai Thiệu-Vệ đem việc nước nói cho Minh-Đề biết, và bảo Minh-Đề muốn về hay ở lại, được tùy ý; nếu muốn về thì sẽ cấp cho giấy sứ-quân, tiền bạc, người và thuyền đưa về. Khi Minh-Đề về khỏi, Thiệu-Vệ muốn thừa cơ lấy nước ta, hèn dâng bản địa-đồ đường thủy đường lục từ châu Ung đến châu Giao, vua Tống đưa cho cận thần xem, rồi phán rằng: « Giao-châu là chỗ lam - chướng, nếu đem quân sang đánh, tất là chết hại nhiều; chỉ bằng cứ cần-thận giữ lấy cõi đất của tổ-tông mà thôi ». Việc ấy sau bỏ » (Đại-Việt sử ký toàn-thư, q. 1, tờ 28 a-b).

Tháng mười năm ấy (1006) gặp ngày sinh-nhật, Lê Long-Đinh sai người lấy tre làm một ngọn núi nhỏ, và bao bọc quần thần ăn yến.

Đến tháng tám năm sau (1007) « sứ nhà Tống sang sách phong Lê Long-Đinh làm Giao-châu-quân-Long-linh-chức-tiết-dộ-sứ ở Tĩnh-Lý-quân, cho tên là Chi-rung, và phong tước cho họ Mạnh-xướng và Hoàng-thập-Nhã. Táng chôn được ở Giao-châu-quận vương » « Ông biểu sai các thuyền vận-sứ Quảng-nam đem sang chơi Nguyễn-xua phong cho Giao-châu, chỉ có tiết-việt (tiết là ở trên khắc họ tên chức tước sử-gia: — vật là lưỡi vót vua giao cho trông đi đánh giặc, hoặc chức tổng-trấn một phần quê có quyền thay vua chém giết kẻ có tội), chưa có tước vương. Tống Chân-Tông cho rằng ở Giao-châu xa xôi, nên có « ân mệnh của triều đình », mới trăn phục nôi, đặc cách sai đưa đến Giao-chi quốc-vương đem cho, lại truy phong Đại-hãn làm Nam-Việt-vương, làm sứ giả đủ lễ « bề sang lễ điếu ». (Đại-Việt sử ký toàn thư, q. 1, tờ 28b, và Khâm-dịnh Việt-sử, q. 1, tờ 43b).

Về việc sách phong, Tống-sử (q. 7, tờ 6a, dòng 7) chép rằng « Năm thứ tư hiệu Cảnh-tức (1007) đời Tống Chân-tông. Tháng bảy, ngày át-hợi, Giao-châu đến cống, cho Lê Long-Đinh (sứ-tàu chép nhầm là Đinh) chầu kinh và sách nhà Phật. Ngày tân-ty, cho Long-Đinh làm Tĩnh-hải-quân-tiết-dộ-sứ, Giao-chi-quận-vương, cho tên là Chi-Trung. Tháng chín, ngày kỷ-tỵ, cho « Giao-chi-quận vương » và « sứ » « Sinh-sử-tiết ở An-Nam ». Đến tờ 6b, dòng 42, Tống sử chép rằng « Năm thứ nhất hiệu Đại-trung (1008) Tống Chân

tổng, gia phong Giao-chỉ quận-vương Lê chi-Trung chức công-thần thực-áp ». Đến tờ 8b dòng 5, lại chép rằng : « Tháng mười hai ngày tan-hội năm ấy (1008) Tổng Chấn-tổng gia phong Giao-chỉ quận-vương Lê chi-Trung chức đồng binh chương-sự ».

Cứ đem đối chiếu thì sử ta và sử Tàu có chỗ khác nhau, như việc sử Tàu sang phong vương, sử ta chép vào tháng tám, sử Tàu chép tháng bảy; còn việc phong làm công-thần thực-áp và đồng binh-chương, thì sử ta không chép đến, « Công thần » và « binh-chương » là chức nhất phẩm của Tàu; sẽ dĩ sử ta không chép có lẽ là tại nhà Tống bấy giờ vẫn có ý làm-le sang lấy nước ta.

Trong năm thứ nhất hiệu Cảnh-thụy (1008). Lê Long-Đĩnh phong vợ làm Cẩm-thánh hoàng-hậu, phong con nuôi là Lê-ốc-Thuyền làm Tam nguyên vương (có sách chép là phi-nghuyên vương) (Khâm-định Việt sử q. 2, tờ 1a).

Đến năm thứ hai hiệu Cảnh-thụy (1009), đô-đốc Kêu-hành-

hiển (Toàn-thư, q. 1, tờ 29b chép : « Ngô-đô-đốc Kêu-hành-hiến đẳng », thổ là hai người) tàu xin đào cảng, đắp đường, dựng bi-hậu (chòi canu bằng đất có dựng bia ở trên, gọi là bi-hậu) ở Ái-châu (Thanh-hóa). Vua Long-Đĩnh nghe theo, xuống chiếu bắt quân dân châu ấy đào cảng, đắp đường từ cửa Ái Chi long (nay thuộc huyện Nga-sơn, xưa là huyện Chu-nga) qua Đinh-sơn đến sông Vũ-lãng (Vũ-lãng là châu thuộc tỉnh Thanh-hóa, không rõ về phủ huyện nào bây giờ).

Tương truyền chỗ sông Vũ-lãng, nhân-dân lợi qua phần nhiều bị hại. Vua Lê Long-Đĩnh nhân vào Ái-châu, đến sông Vũ-lãng sai người lợi thử, ba vòng không việc gì, nhưng cũng sai đóng thuyền dờ ở bên sông Vũ-lãng. Tất cả bốn chỗ dờ chờ người qua lại (Khâm-định Việt-sử, q. 2, tờ 1b; và Đại-Việt sử-ký toàn thư, q. 1, tờ 29 b). Mùa thu tháng bảy năm ấy (1009). Vua Lê Long-Đĩnh thân chinh châu Hoan-

Đường (nay phủ Anh-sơn, tỉnh Nghệ an) và châu Thạch-hà (nay huyện Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh) đi đến Hoàn-giang (không rõ chỗ nào) sai phòng-át-sứ là Hồ-thủ-ích đem hơn năm nghìn quân ở châu Hoan-đường dọn đường đi từ con sông giáp đấy đến cửa bể Nam-giới (giáp giới hai huyện Thiên-lộc và Thạch-hà) để quân đi che tiện. Thuyền rồng ra khỏi Hoàn-giang đến ngoài bể, tự nhiên sóng gió ầm ầm, mây mưa mù mịt, bèn sai quay thuyền về, sợ đường bể hiểm trở, đi đường bộ về kinh-sư Hoa-lư. (Đại Việt sử-ký toàn-thư, q. 1, tờ 29 b và 30r).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VAN-TỔ

HỢP THƯ

Ô. Phạm Trường Quý Nhơn : Hết 1944 phải giả tòa báo 12\$ 6 tháng rồi.

Ô. Nguyễn triều Trang Hongay : Hạn báo đến 15-12 44 hết hạn. Xin gửi tiếp hạn mới theo giả mới.

Ô. Hoàng hữu Như Vinh : Hạn báo 15-6-45 hết.

ĐA CỐ BẢN

VIỆT NAM VĂN HỌC SỬ VŨU

DƯƠNG QUẢNG HAM Giáo sư trường Trung Học Bảo-Hộ Hà-nội — 500 trang khổ lớn 15×22

DANH TỪ Y HỌC (TẬP A VÀ B)

PHẠM KHÁC QUẢNG Y-khoa Bác-sĩ — LÊ KHÁC THIỀN Ngoại-trá Y-sinh

ĐẠI NAM HÌNH PHÁP

LÊ TRUNG CHÁNH Luật-khoa Tiến-sĩ Thăm Phán tại tòa Thượng-thẩm Huế, 350 trang khổ 13×20

Nhà in XUÂN THU, 214, Hàng Bông — Hanoi

TIÊU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiêu nhân lộng An-Tư công-chúa
 và Thoát-Hoan, đặng thư quốc nạn dã. »
 Đại Việt sử-ký toàn thư

Kính tặng hương hồn mãn thân

NGUYỄN HUY-TUÔNG

Số 19

Quốc-Toàn nói:

— Chú làm thế, thì không được. Không ởi nào cháu để cho chú tỉnh đến nước này? Tài trai không tự vẫn.

— Ta không phải là tài trai.

— Chú không muốn cũng phải là tài trai. Chú có tài trời cũng không hết được với cháu. Chú lấy gì để cháu. Chú phải nghĩ ngẫm mới được. Chú mẹ rồi sao? Bà ở nhà được tin chú quyền sinh còn vui thú gì nữa! Chết thì phải chết chớ anh! Ừng, cho đáng mặt tài trai, cho đường hoàng chính凛; chết thì phải chết trẫm trường trạch đầu, sao chú lại chết tầm thường như thế! Phải là công sinh dưỡng phải là tiếng nhà, phải là tài trời. Chú lấy nghe cháu: geom của Thái úy không đề chú tự tử, geom báu này dùng để gột rửa anh, để rửa hận. Chú Thông chú đã tỉnh chưa?

Ngon được mà Quốc-Toàn vút lên đường đã lâu rồi, chỉ còn thân hồng rưng rưng. Kém của Chiêu-trần vương đã bắn ra xa, Vương tự lực, không tự chủ được, rằng Quốc-Toàn:

— Toàn, việc gì đến đây?

Hoài-văn hầu đáp:

— Giú đừng nóng rầy. Chú mẫn, cháu xin chịu, nhưng chú nên nghĩ lại.

Trần Quý cũng vừa tìm tới, và đoàn quân Tinh - cương vậy bọc lấy Vương, người nào cũng ngoác, nhiều người mừng quá, ứa nước mắt khóc. Đuốc cháy bùng bùng chiếu toàn những nét mặt quen thân quyến luyến. Vương tự tiện với đoàn quân hẳn bộ Trần Quý, vẫn một giọng trung thành, của một người gia tướng già lúc nào cũng chăm - chú đến người chủ trẻ tuổi:

— Vương - gia làm sao? Chú con phải một bữa hã-hung.

Wương không nói gì. Về giận dữ pha chế lên lên. Chợt có tướng lĩnh của Hưng-đạo vương đòi Chiêu-trần vương lên có việc khẩn cấp. Tình thế trong kỷ luật rất khắc nghiệt của Vương hiển Vương cúi đầu và g lệnh.

Rầu rầu chàng theo chân sứ lên nhà Thái độ bất phục, con mắt căm lờn, nét mặt khinh bỉ, một lúc một biến đổi. Tự trước thắm, Vương ra sự chế một lát để sửa lại nếp khăn, rồi lại áo giáp mà Vương biết là không thể tránh. Bước vào, thoát nhìn thấy

Quốc công, chàng đã dự những cơn bão táp trong lòng. Chàng cúi đầu như một người học trò, có lỗi. Cử một nhời nói của con người khoan hồng kia cũng đủ làm cho Vương trở lại thẳng băng. Lòng hơn ghé. Tuông-loàng, trách móc Quốc - công thầy cầu tiêu tán, không dám cãi, Vương chỉ vâng dạ, khi chàng lui ra, lòng chàng hân hoan nhẹ nhẹ. Chàng tự tiện quan niệm hẹp hòi về tình ái, không xứng với giai nhân, và chàng chạy đi tìm An Tư, để mong truyền cho nàng một người sống mới...

Tiếng him ca của họa mi vừa dứt, thì chàng lại tiếp bảo An-Tư:

— Công - chúa đừng quá tu phiến; duyên của ta chưa vỡ.

Nàng ngạc nhiên:

— Vương tính còn gì nữa, sắp viên biệt...

— Viên biệt là thế nào? Ta tạm biệt nhau hôm nay. Họ sang, tôi xin họa gặp Công - chúa ở kinh thành.

— Tôi còn mặt mũi nào trông thấy Vương nữa?

— Công-chúa không nên nghĩ thế. Dù sao đời, vật đổi, tình nghĩa đời ta vẫn còn.

— Thất thân cùng giặc...

— Đó là tiểu tiết. Công chúa là bậc anh thư, không nên gượng gạo mới được.

— Chiêu-trần như nước.

— Trình bạch lập lại trong lòng. Xin Công-chúa đừng quan tâm đến việc ấy mà phụ tâm chán thành này.

Vì Vương chán thành, nên tôi lại càng bỏ thẹn? Không đáng.

— Công chúa nghĩ nhảm. Giữ nguyên vẹn tiết trinh phũ một kẻ thông thường thì ai không giữ nổi? Có gì là đáng lạ? Ta ở cảnh biến, không xử sự được như cảnh thường. Trước kia tôi cũng tưởng một khi Công chúa ra đi thì không bao giờ chúng ta có cơ hội lại với nhau. Nhưng Quốc công giảng rõ, tôi đã thoát khỏi thói thường. Quan-công háng Tào đến nay vẫn còn nêu gương trung nghĩa...

Công-chúa cười chua chát:

— Vương nói quá. Quan-công là chuyện khác.

— Xứ sở tổ khác nhau, nhưng lòng trung trinh là một. Chính tôi cũng đã định quyết sinh, nhưng tôi đã tính ngẫm. Chết đi mà uống giãn sách háng sống để chờ nhau. Đời còn rộng, tình còn dài, duyên ta chưa hết. Công chúa hãy nhẫn nhục chờ tôi, ngày trả thù cũng không lâu. Bao nhiêu điều bất đắc chí ta sẽ rửa được hết. Lúc nàng gặp được khao quân. Công-chúa hỏi có chờ tôi không?

— Vương, sao Vương lại bắt tôi chờ đợi?

— Công-chúa vẫn còn cần chấp mãi? Nếu Công-chúa kháng kháng một mực, tức là phụ non nước, phụ Thượng-hoàng, phụ tướng sĩ, phụ tôi. Công-chúa không việc gì phải ghét. Việc đời đã đến, bước chạng đâu? Nạn nước đợi chờ ngày chiến thắng, tướng sĩ đợi chờ ngày tuyết hận, Công-chúa sao lại không đợi chờ ngày tái hợp?

Nhờ chàng hững hờ nên nghiêm nghị. Công-chúa sẽ nói:

— Vương bắt tôi chờ đợi, nhưng khi ấy Vương là tướng chiến thắng, tôi là gái nhục nhơ,

mặt mũi nào còn trông thấy Vương nữa? Xin Vương tránh cho tôi khỏi nhục ấy.

— Công-chúa không biết: Công-chúa có mệnh hệ nào thì tôi đây cũng không sống được nữa. Nếu Công-chúa háng háng một mực, tôi tôi thà chết trước mặt Công-chúa ngay bây giờ còn hơn.

Vương tốt giọng. Ánh sáng lý mờ chiếu rõ nét mặt đau thương quý giá của người c. a sĩ. Nàng giữ chẳng lại, mà Vương u hân và trên gò má lấm mấy hạt ngọc long-lanh:

— Vương, vương.

Mấy cặp thành thốt như tiếng chim rụt rè ban sớm. Nàng lại tiếp.

— Vương bắt tôi làm một điều quá nặng.

— Tôi là con nhà tướng, cử chỉ-sở sàng ăn nói nói lỗ Công-chúa có thương, xin Công-chúa nghe tôi.

Nàng nói như nhớ tiếc:

Trời đã sáng rồi!

Cấy cối núi non đã hiện lên luột-tuốt trong sương. Vài tiếng gà xao-xác.

— Đâu đây, rõ tiếng quân dẫu võ. Một vài con chim sớm bay vút lên không trung. và đồng thời, một màu hồng phơn phớt điểm xuyết phía đông tan trong sương như máu loãng. Công-chúa và Vương cũng chung một lòng ngao ngán. Vương vội hỏi.

— Xin Công-chúa nhớ chờ: đợi tôi hai tháng nữa.

Nàng ngập ngừng, má như ửng thẹn:

— Nhưng cũng xin ước một điều.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TUONG

GIỚI THIỆU

I) Aristide Boucicaut của Hoàng văn Mãn. CIPIC xuất bản — bản Blanc ivoire giá 12\$00. Trong đó sách Tai mắt năm chẵn — Bia trình bày mỹ thuật — Sách khảo cứu công phu về đời của nhà cách mệnh nền thương mại thế giới và sáng lập hãng Bon marché.

II Sách dạy làm bếp của Nguyễn khai Khâm nguyên giám trừ phủ Toàn quyền soạn — sách dày ngót 200 trang, giá bán 3\$.

III Lý Đỗ (tập thứ nhất Lý-Thái Bạch) của Trần Khê-Cộng Lực xuất bản giá 5\$. Đầu sách có đăng mục Tiêu chuẩn kỷ pháp tả một cách rõ rệt đời sống của Thái Bạch thì sẽ bắt đầu của đời Đường-Tiếp đến các bài thơ của Lý có đăng nguyên văn chữ Hán, kèm dịch âm, dịch nghĩa, chú dẫn, giải thích và dịch văn — Cuối sách có mục văn tập: Dữ hàn k nh chân thư kèm bản dịch và sưu hết các đợt sư về Lý Bạch.

Các tài dịch Hán văn của bạn Trúc Khê, chúng tôi không cần nói, đọc giả đã rõ trên mặt báo này.

Chúng tôi thành thực nhận rằng quyển Lý Đỗ ra rất hợp thời và rất có ích cho các bạn hiền học.

Xin giới thiệu với các bạn và cảm ơn các tác giả.

MẠNH PHẠNG

HOA GẤM VĂN CƯỜNG

Những câu thơ đẹp viết bằng mực thơm, và in trên giấy nhẵn trên giấy gấm nền ngà ngọc — Bạch tảo sương, Đông tuyết cổ — nguyệt Dữ mai tinh tảo thập p ần xuân, để trang điểm cho cảnh thư trại khách — thính rất phong nhã. Hỡi:

NG. KHÁNH-ĐAM

12 Sabourain Saigon

Đã có bán:

DÊM HỘI LONG TRÌ

Lịch sử tiểu thuyết
của NG. H. TƯỜNG

GIA 3\$60

thêm cước 0\$70

TY XUẤT BẢN TRI TÂN

95-97, Chancéaulme, — HANOI

Sắp phát hành:

KHÔNG - TỬ

HỌC THUYẾT PHO THỦ HẠI

gồm quyển II và quyển III

MỤC LỤC

QUYỂN II — Giới thuyết

- I. — Từ ngữ tổng quát : Đạo — Đức — Nhân — Nghĩa — Lễ — Nhạc — Chính — Mễch.
- II. — Từ ngữ luân lý : Trung — Tín — Chử — Tri — Dũng — Trung dung — hiên — Thửu nhận — Vậu chất — Thành nhá. — Thánh nhá.
- III. — Từ ngữ chính trị : Thiên hạ — Quốc gia — hương đảng — Sĩ — Quân tử, tiểu nhân — Dân.

QUYỂN III — Cá tính

- Đại cương về Không-tử : kinh điển — Sách Kim mễ — Cách cư xử, Tâm tính và đức độ, Không-tử học gì ?
- I. — Không-tử nhà giáo-dục : Quan-niệm về giáo-dục, Phương pháp giáo-dục — Cứu cánh giáo-dục.
 - II. — không-tử nhà học-giả : Nhà học-giả, Phương pháp trị học, Mục đích học-vấn.
 - III. — không-tử nhà chính-trị : Quan-niệm về chính-trị, Phương pháp cai-trị, Mục đích chính-trị.
 - IV. — không-tử nhà kinh-tế : Quan-niệm về kinh-tế, Chính sách kinh-tế.
 - V. — không-tử nhà triết-học :
 - VI. — không-tử nhà tôn-giáo : Quan-niệm về Trời, Tâm chí lễ-tự.
- (Số trang, 30.000 chữ Hán, Có in một số sách qui trên giấy đẹp 20op, 15op, 8op, 7op, 5op, dành riêng bán độc đặt tiền trước).

chữ, tiền đề M. Lê-văn-sôn

QUỐC HỌC, THƯ XÃ
16 bis Tiên Tsin — HANOI

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Một xuất bản hạt cuốn :

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm-xuân-Đỗ phỏng-thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện kỳ-lạ và lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 170 trang, khổ 17x23.

LỤC SỨC TRANH CÔNG

bản dịch Pháp văn của Hoàng-hữu-Xương và A. de R.

Bình-phẩm cuốn này, Céc Cadrière đã nói : « So với Kim Vân Kiều và Chinh-phụ-ngâm, thì Lục súc tranh công còn tự-nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm... » dày 150 trang, khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

mỗi cuốn bán thường 4\$00 cước 0\$59

bản giấy Đại-la 12\$00 cước 1\$00

Tổng phát hành

MAI-LINH

21, Rue des Pipes — Hanoi

TU SÁCH NGÀY MỚI

Sắp có bán :

VIỄN VÌ SỐNG

khảo luận của Nguyễn xuân Huy

- Tựa: ngôn của một nhà văn tiến từ chủ nghĩa lãng mạn sang chủ nghĩa tả thực xã - Hội.
- Nói rõ mục đích chính đáng của nhà văn trong lúc này

Mới có bán

Không giá với ông Đào-xuý-Anh

nhà văn của Nguyễn-Điểm giá 4\$00

Sắp in :

Tôn giáo và xã hội

nhà văn của Ng. Hải-Anh

TU SÁCH « VĂN NGHỆ MỚI »

Đang in :

NGÃ BA

truyện dài của Lê mông Cầu

- Truyện một thanh niên tha thiết yêu đời yêu cuộc sống và thành thực đi tìm lý tưởng.

ĐẠI HỌC THƯ XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Tường-Phượng

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancéaulme, Hanoi